



CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG

Trụ sở: Số 12 Lạch Tray, Phường Lạch Tray,
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải

Điện thoại: 0225.359.3681 - 0225.359.3682

Fax: 0225.3571.053 - 0225.359.3680

Website: <http://www.sonhaiphong.com.vn>

Email: sales@sonhaiphong.com (Phòng kinh doanh)



CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG

30
YEARS
ANNIVERSARY
SON HAI PHONG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2019



MỤC LỤC

01

1. Thông điệp của chủ tịch HĐQT
2. Một số chỉ tiêu tài chính
3. Tầm nhìn - Chiến lược - Giá trị cốt lõi

THÔNG TIN CHUNG

02

1. Thông tin chung
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
4. Giới thiệu Ban lãnh đạo
5. Vị thế
6. Định hướng phát triển
7. Các rủi ro

03

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức nhân sự
3. Các công ty con, công ty liên kết
4. Tình hình tài chính
5. Cổ đông lớn và thay đổi VCSH

04

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Những thuận lợi và khó khăn ảnh hưởng đến SXKD năm 2019
2. Kết quả SXKD năm 2019
3. Tình hình tài chính
4. Những đổi mới, cải tiến
5. Phương hướng phát triển

05

BÁO CÁO CỦA HĐQT

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc
3. Phương hướng hoạt động của HĐQT năm 2020

06

QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. Ban kiểm soát
3. Thù lao, giao dịch của HĐQT, BKS và BGD
4. Tăng cường quản trị Công ty
5. Quản trị rủi ro

07

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

08

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN 2019



1. THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG NGUYỄN VĂN VIỆN
Chủ tịch Hội đồng quản trị

795.84 tỷ đồng

Doanh thu thuần tăng trưởng 38.4%

87.14 tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế tăng trưởng 53.14%



Sơn Hải Phòng sẽ ngày càng lớn mạnh hơn trong tương lai, điều này đang được thể hiện qua từng nỗ lực cố gắng của từng cán bộ công nhân viên trong toàn Công ty. Tôi tin rằng chúng tôi sẽ gặt hái được nhiều thành công hơn nữa.



Kính thưa Quý vị Cổ đông, Đối tác và Toàn thể Cán bộ công nhân viên CTCP Sơn Hải Phòng.

Năm 2019, tình hình kinh tế thế giới có nhiều biến động. Trong nước, nền kinh tế vẫn duy trì được mức tăng trưởng ấn tượng - với mức tăng GDP là 7.02%, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát. Giá dầu tăng cao có nhiều biến động thất thường hơn nữa Việt Nam phần nào cũng chịu sự tác động từ cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung nên đã ảnh hưởng đến giá nguyên vật liệu đầu vào, làm tăng chi phí đầu vào nên giảm lợi nhuận. Đối với CTCP Sơn Hải Phòng, đây là một năm đầy nỗ lực, vượt qua khó khăn - thách thức để đảm bảo các chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông giao phó. Với sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, Ban điều hành cùng với những chính sách kịp thời, tập trung mọi nguồn lực, chủ động, linh hoạt trong quản trị điều hành, cùng với sự quyết tâm, đồng lòng của tập thể CBCNV, Công ty đã hoàn thành được kế hoạch doanh thu. Tích lũy tăng các nguồn lực về con người, vốn, công nghệ... để tiếp tục phát triển hơn nữa trong tương lai.

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2019 (Tỷ đồng)
Doanh thu thuần	795.84
Lợi nhuận sau thuế	87.14
Cổ tức	30 %

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019

Bên cạnh đó, công ty đã nghiên cứu và bảo vệ thành công 1 đề tài cấp bộ về sơn Alkyd và được phê duyệt thực hiện 1 đề tài cấp thành phố nghiên cứu sản xuất sơn trên bề mặt thép mạ kẽm. Tính ứng dụng tốt của các đề tài sẽ giúp công ty có những sản phẩm chất lượng, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường, góp phần tạo lợi thế cạnh tranh riêng cho Sơn Hải Phòng. Để đứng vững trên thị trường và tiếp tục phát triển, Ban lãnh đạo công ty tiếp tục thực hiện những giải pháp: xây dựng kế hoạch phản ứng linh hoạt đối với những biến động của thị trường nguyên vật liệu đầu vào, tăng cường kiểm soát chi phí, hoàn thiện quy trình công việc,

nâng cao trình độ cán bộ nhân viên, phát huy tinh thần thi đua tiết kiệm – sáng tạo... Với những giải pháp đồng bộ, kịp thời cùng sự đoàn kết của CBCNV, sự tin tưởng của quý cổ đông sẽ là những động lực lớn để công ty tiếp tục vươn lên khẳng định vị thế của mình, và chúng ta hoàn toàn tin tưởng vào sự thành công và phát triển của Sơn Hải Phòng trong giai đoạn mới, tạo dựng được vị thế vững chắc trên thị trường.

Xin chân thành cảm ơn quý vị đã luôn ủng hộ và đồng hành cùng Sơn Hải Phòng trong thời gian qua, xin gửi đến Quý vị và gia đình lời chúc sức khỏe, an khang thịnh vượng.

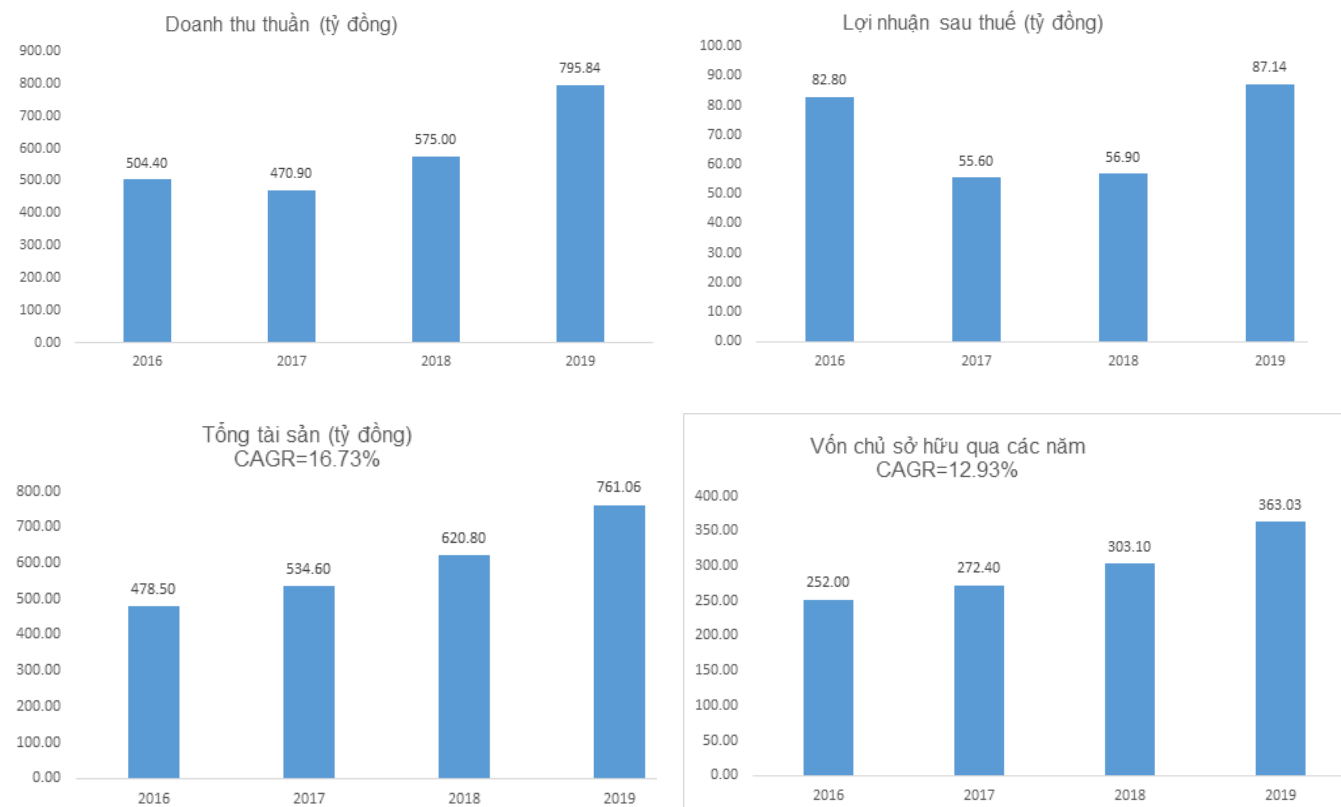
Thay mặt HĐQT
Chủ tịch HĐQT



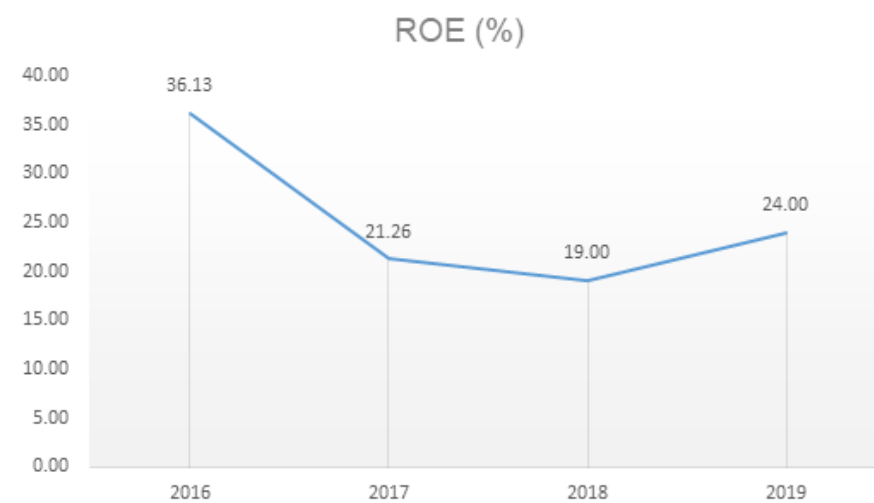
Nguyễn Văn Viện



2. MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NỔI BẬT



Nguồn: Báo cáo tài chính của công ty đã kiểm toán các năm 2016, 2017, 2018, 2019



Chỉ tiêu	Đơn vị	2016	2017	2018	2019
Doanh thu	Tỷ đồng	512.6	472.1	576.1	796.05
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	504.4	470.9	575	795.84
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	169.7	129.3	130.8	191.04
Chi phí hoạt động	Tỷ đồng	82.2	70.6	71.4	86.23
Chi phí hoạt động tài chính	Tỷ đồng	12.1	13.5	15.1	21.10
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	82.3	55.5	56.9	86.90
Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính	Tỷ đồng	-5.4	-11	-13.6	-15.20
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	Tỷ đồng	0.72	0.27	0.65	0.76
Lợi nhuận được chia từ Công ty liên kết	Tỷ đồng	0.3	8.1	11.3	-2.94
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	83	55.8	57	87.67
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	82.8	55.6	56.9	87.14
Tổng tài sản	Tỷ đồng	478.5	534.6	620.8	761.06
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	80	80	80	80
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	252	272.4	303.1	363.03
Thu nhập trên tổng tài sản (ROA)	%	17.78	10.73	9.63	12.60
Thu nhập trên vốn cổ phần (ROE)	%	36.13	21.26	19.00	24.00
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	9217	5986	6466	10946
Cổ tức	Đồng	1500	1500	1500	1500

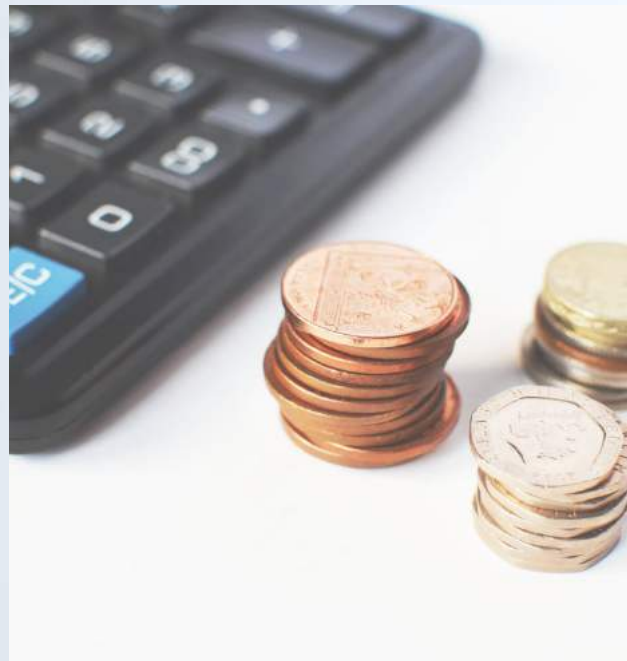




3. TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI

TẦM NHÌN

Giữ vững và đưa thương hiệu Sơn Hải Phòng vươn lên là thương hiệu hàng đầu trên thị trường Việt Nam và thế giới. Công ty tiếp tục là Doanh nghiệp Khoa học Công nghệ với tỷ lệ sản phẩm khoa học công nghệ đạt trên 70% tổng doanh thu của Công ty.

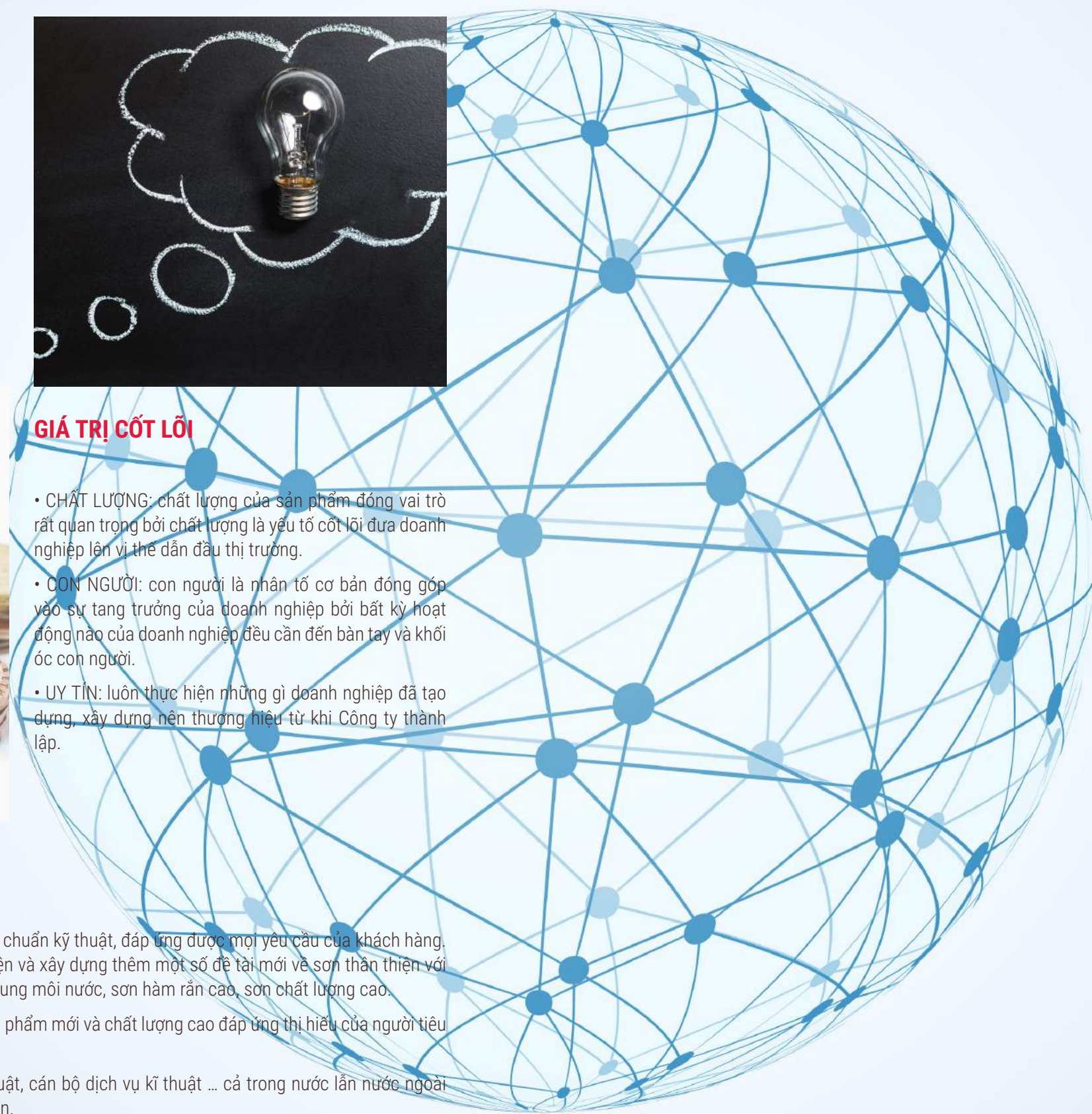


GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- **CHẤT LƯỢNG:** chất lượng của sản phẩm đóng vai trò rất quan trọng bởi chất lượng là yếu tố cốt lõi đưa doanh nghiệp lên vị thế dẫn đầu thị trường.
- **CON NGƯỜI:** con người là nhân tố cơ bản đóng góp vào sự tăng trưởng của doanh nghiệp bởi bất kỳ hoạt động nào của doanh nghiệp đều cần đến bàn tay và khối óc con người.
- **UY TÍN:** luôn thực hiện những gì doanh nghiệp đã tạo dựng, xây dựng nên thương hiệu từ khi Công ty thành lập.

CHIẾN LƯỢC

- Chiến lược sản phẩm: Đảm bảo chất lượng đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, đáp ứng được mọi yêu cầu của khách hàng. Tiếp tục thực hiện các đề tài nghiên cứu đang thực hiện và xây dựng thêm một số đề tài mới về sơn thân thiện với môi trường không chứa chì và crom, sơn có sử dụng dung môi nước, sơn hàm rắn cao, sơn chất lượng cao.
- Đầu tư trung tâm nghiên cứu nhằm phát triển các sản phẩm mới và chất lượng cao đáp ứng thị hiếu của người tiêu dùng cũng như bắt kịp xu thế thị trường.
- Chiến lược nhân sự đào tạo cán bộ trung tâm kỹ thuật, cán bộ dịch vụ kỹ thuật ... cả trong nước lẫn nước ngoài (Nhật Bản) về lĩnh vực sơn nhằm nâng cao chuyên môn.



02 THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin chung
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
4. Giới thiệu ban lãnh đạo
5. Vị thế
6. Định hướng phát triển
7. Các rủi ro



1. THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Tên giao dịch	Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	0200575580
Vốn điều lệ	80,071,770,000 đồng
Địa chỉ	Số 12 Lạch Tray, Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng
Số điện thoại	0225.3593681 – 3641121 – 3593682
Số fax	(84.225) 359 3680 - 357 1053
Website	http://sonhaiphong.com.vn/
Mã cổ phiếu	HPP – Niêm yết trên sàn giao dịch Upcom Mệnh giá: 10000 Đồng
Khối lượng cổ phiếu niêm yết	8,007,177
Logo	





Quá trình hình thành và phát triển

GIAI ĐOẠN 1989 - 1994

NĂM 1989
Đổi tên Xí nghiệp hóa chất sơn dầu thành Nhà máy sơn Hải Phòng

NĂM 1994
Nhập thiết bị sản xuất nhựa Alkyd của Cộng hoà Liên Bang Đức, chuyển đổi toàn bộ sản phẩm sơn gốc dầu sang sản xuất sơn gốc nhựa Alkyd phục vụ cho đóng tàu, giao thông và công nghiệp.

GIAI ĐOẠN 1996 - 1998

NĂM 1996
Bắt đầu hợp tác với Hãng sơn Chu-goku Marine Paint, hãng sơn hàng đầu của Nhật Bản về sơn tàu biển, công trình biển.

NĂM 1998
Khánh thành dây chuyền sơn tàu biển hiện đại, công suất 2.000 tấn/năm. Năm 1999 được cấp chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9000.

GIAI ĐOẠN 2002 - 2005

NĂM 2002
UBND thành phố Hải Phòng có quyết định về việc tiến hành cổ phần hóa Công ty Sơn Hải Phòng.

NĂM 2004
Công ty Sơn Hải Phòng chuyển đổi thành Công ty cổ phần Sơn Hải Phòng với vốn điều lệ 20 tỷ đồng

NĂM 2005
Công ty tăng vốn điều lệ lên thành 25,5 tỷ đồng

GIAI ĐOẠN 2007 - 2008

NĂM 2007
Tăng vốn điều lệ lên thành 53 tỷ đồng

NĂM 2008
Đầu tư dây chuyền sơn tấm lợp công suất 5.000 tấn /năm, nâng công suất nhà máy lên 15.000 tấn /năm.

GIAI ĐOẠN 2011 - 2014

NĂM 2011
Góp vốn thành lập Công ty CP Bao bì VLC

NĂM 2014
Công ty đầu tư mở rộng dây chuyền sản xuất nhựa Alkyd nâng công suất từ 500 tấn/năm lên 5.000 tấn /năm để chủ động nguyên liệu sản xuất và bán ra thị trường.

GIAI ĐOẠN 2017 - 2018

NĂM 2017
Hoàn thành mở rộng dây chuyền nhựa Alkyd nâng công suất lên 10000 tấn/năm

NĂM 2018
Hoàn thành tái thẩm định chứng chỉ ISO 9001:2015 và ISO 14001:2015 và Phòng thử nghiệm đạt tiêu chuẩn cấp quốc gia.



Sự kiện, giải thưởng nổi bật trong năm



Ngày 24/04/2019 diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của CTCP Sơn Hải Phòng



Công ty CP Sơn Hải Phòng lọt Top 500 DN Tư nhân lợi nhuận tốt nhất Việt Nam 2019 do báo Vietnamnet – Bộ thông tin truyền thông bình chọn.

Công ty được Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng tặng giải nhì và giải ba Hội thi sáng tạo kỹ thuật Thành phố Hải Phòng lần thứ 2 năm 2018 - 2019 về các công trình sản phẩm mới tự nghiên cứu tại Công ty.



2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất và kinh doanh sơn các loại;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị, hóa chất thông thường.

a. Các sản phẩm dịch vụ kinh doanh chính

Sơn tàu biển, công trình biển

Sơn tàu biển là sản phẩm mũi nhọn của Công ty CP Sơn Hải phòng trên cơ sở chuyển giao công nghệ với hãng Chugoku Marine Paints (CMP) của Nhật Bản - 1 trong 3 hãng sơn hàng đầu thế giới trong lĩnh vực này. Hiện nay, Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng là nhà cung cấp hàng đầu về sơn tàu biển và chiếm hơn 50% thị trường sơn tàu biển và công trình biển tại Việt Nam.



Sơn công nghiệp



Sản phẩm sơn công nghiệp sản xuất theo công nghệ tiên tiến của hãng CMP – Nhật Bản. Trong những năm qua, sản phẩm sơn công nghiệp đã phục vụ hầu hết các công trình trọng điểm của đất nước như: Sơn cho các dự án nhà máy công nghiệp: xi măng, nhiệt điện, thủy điện, điện gió, giấy, hóa chất, cán thép, lọc dầu...



Sơn chống cháy

Sơn chống cháy SHP WB là loại sơn chống cháy hệ nước được hình thành từ gốc nhựa Poly vinyl acetate kết hợp với các thành phần chất chống cháy có nguồn gốc Photpho và nito thân thiện với môi trường và người sử dụng.



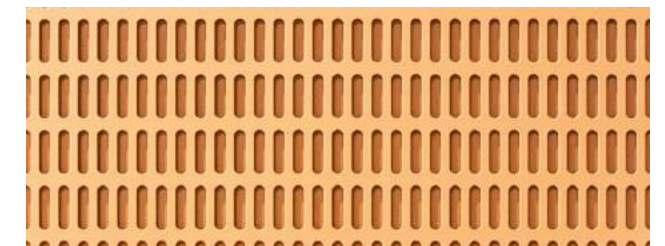
Sơn sàn công nghiệp

Từ thế mạnh về sơn tàu biển, công trình biển, Công ty cổ phần Sơn Hải Phòng đã tập trung phát triển các chủng loại sơn công nghiệp nặng, đặc biệt là sơn sàn công nghiệp. Sơn sàn công nghiệp được thi công trên nền bê tông có tác dụng trang trí và bảo vệ bề mặt sàn, chống thấm nước, tăng cường khả năng chịu lực, chịu ăn mòn... Sản phẩm được áp dụng để sơn nền nhà xưởng công nghiệp, nhà máy chế biến thức ăn, văn phòng, trường học, nhà để xe, siêu thị. Hiện nay công ty CP Sơn Hải Phòng đã cung cấp cho các đơn vị như Xăng dầu KV 3, nhà máy dây cáp điện tàu thủy VINASHIN – Đà Nẵng, các sàn nhà xưởng của 7 thành viên trong Tập đoàn kinh tế VLC và tập trung chủ yếu các sàn nhà xưởng ở miền trung và miền bắc.



Nhựa Alkyd

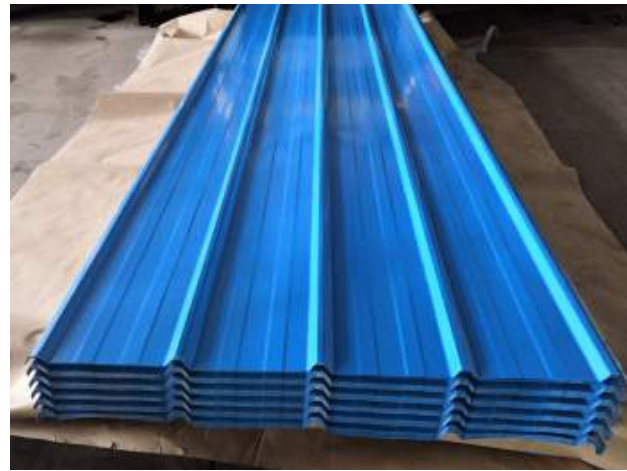
Gồm Nhựa Alkyd dài, Nhựa Alkyd trung, Nhựa Alkyd ngắn và Nhựa Alkyd FA





Sơn tấm lợp

Sơn tấm lợp là dòng sản phẩm chất lượng cao trên cơ sở gốc nhựa Polyester biến tính, được thi công trên nền thép lá cuộn (HDGI, CR, EGO ...) tại các nhà máy sản xuất tôn mạ màu. Sản phẩm được ứng dụng rộng rãi trong các ngành công nghiệp, trong xây dựng, dân dụng. Công ty đã cung cấp sản phẩm sơn tấm lợp trong nhiều năm qua cho các khách hàng như CTCP Tôn mạ màu Việt Pháp – Hải Phòng, Công ty TNHH 1 Thành viên Tôn Liên Chiểu – Đà Nẵng, CTCP Tôn mạ VNSTEEL Thăng Long – Hà Nội, CTCP Tôn Vikor...



Sơn lót thép mạ kẽm AC – Zn

Là sơn lót hiệu quả cao, gốc nhựa Acrylic và khô do bay hơi dung môi. Đây là loại sơn dễ thi công và đặc biệt có khả năng đạt được độ dày màng sơn khô cao khi thi công bằng súng phun.



Sơn trang trí

Dùng để phủ trang trí vỏ máy biến áp, két bạc vác các dụng cụ khác, thiết bị dân dụng và công nghiệp.

- Sơn vân búa A0
- Sơn vân búa A2
- Sơn phủ HGA
- Sơn phủ EO – FL
- Sơn lót EO – FL



Sơn Economy

Sơn trên bề mặt sắt thép trong và ngoài trời; sơn trang trí trên bề mặt gỗ sắt thép

- Sơn chống rỉ Economy: là sơn gốc alkyd biến tính kết hợp với bột màu chống rỉ dùng để sơn bảo vệ bề mặt sắt, thép trong nhà và ngoài trời.

- Sơn phủ Economy: là sơn phủ trang trí gốc alkyd biến tính. Sơn có độ bóng cao, khô nhanh, bám dính tốt, dùng để sơn trong nhà và ngoài trời





b. Địa bàn kinh doanh

Thành phố Hải Phòng, các tỉnh miền Trung, Nam Trung Bộ và các vùng lân cận như: Hải Dương, Hà Nội, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Đà Nẵng, Quảng Ninh...



c. Sơn Hải Phòng và sự khác biệt

Sức mạnh về sản phẩm

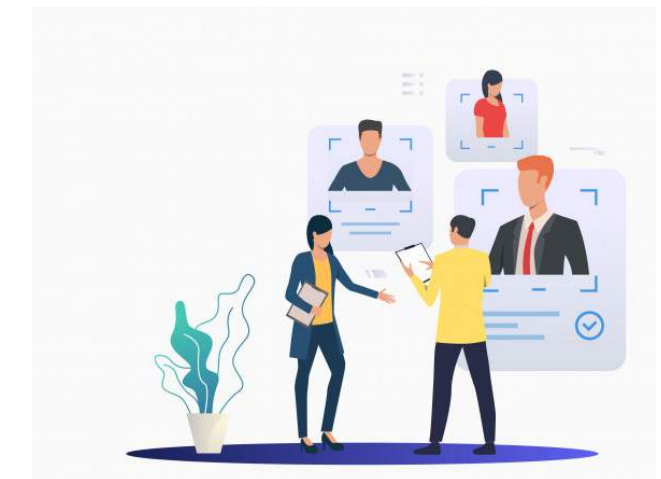
So về công nghệ sản xuất và chất lượng sản phẩm, Công ty có khả năng cạnh tranh với các hãng sơn ngoại lớn trong các mảng sơn tàu biển, sơn chống cháy, sơn tấm lợp. Là một doanh nghiệp đi đầu trong các doanh nghiệp sơn nội, đứng đầu mảng tàu thủy với thị phần 50% cả nước.

Sức mạnh về nguồn nhân lực

Nguồn lao động lành nghề là một trong những thế mạnh nổi bật của Sơn Hải Phòng.

Trong nhiều năm qua, Sơn Hải Phòng luôn chú ý đầu tư phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực kỹ sư trong ngành sơn. Với nhiều kỹ sư giám sát đạt chứng chỉ giám sát quốc tế.

Với nguồn nhân lực có trình độ cao, Sơn Hải Phòng có nhiều công trình nghiên cứu cải tiến sản phẩm, sơn thân thiện với môi trường.



Sức mạnh về công nghệ

Sơn Hải Phòng luôn hướng đến nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm, do đó công ty không ngừng đầu tư cải tiến quy trình, công nghệ sản xuất; áp dụng các quy trình quản lý chất lượng.

- Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 - 2015
- Phòng thử nghiệm đạt tiêu chuẩn cấp quốc gia ISO/IEC 17025 : 2017
- Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001 : 2015

Là doanh nghiệp đi đầu trong công nghệ sản xuất sơn trong các doanh nghiệp sơn nội, Sơn Hải Phòng là công ty sơn trong nước duy nhất áp dụng đầy đủ các quy trình quản lý chất lượng tiên tiến, đạt tiêu chuẩn thế giới..

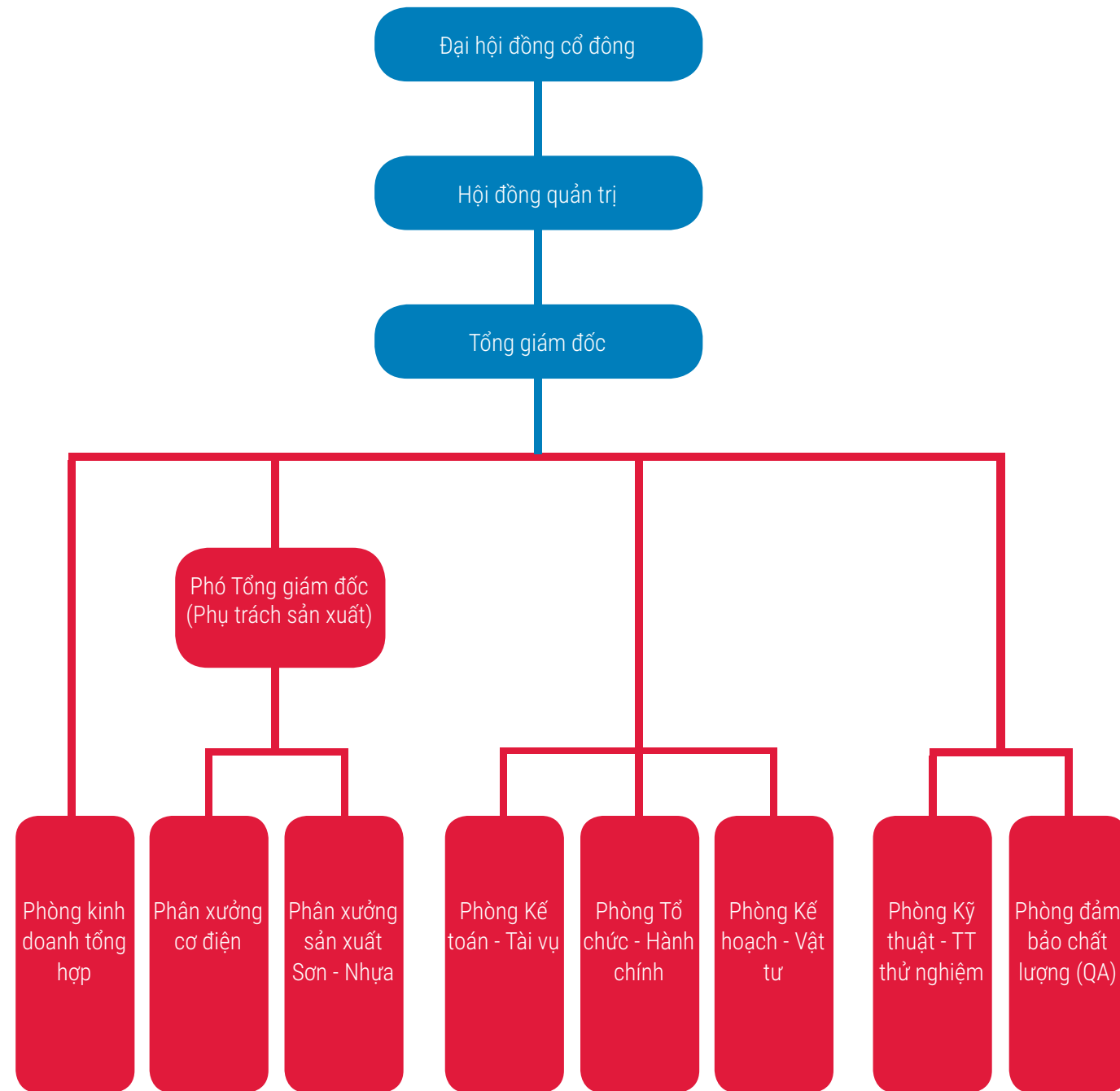


3. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ , TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình quản trị công ty

Sơn Hải Phòng hoạt động theo mô hình công ty cổ phần. Bộ máy quản lý của Sơn Hải Phòng được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua.

Sơ đồ tổ chức



Đại hội đồng cổ đông

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn theo luật pháp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Sơn Hải Phòng. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan thông qua chủ trương chính sách đầu tư phát triển của công ty, quyết định cơ cấu vốn, thông qua phương án sản xuất kinh doanh, quyết định cơ cấu vốn, thông qua phương án sản xuất kinh doanh, quyết định bộ máy tổ chức quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản trị của công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông tất cả những vấn đề quản lý của công ty theo Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tuân thủ pháp luật.

Ban kiểm soát

Là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu, thay mặt cổ đông kiểm tra, giám sát toàn bộ hoạt động của Công ty trong việc chấp hành tuân thủ Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

Ban Giám đốc

Là ban có trách nhiệm quản lý và điều hành mọi hoạt động của Công ty theo đúng pháp luật của Nhà nước, các quy định của ngành, điều lệ, quy chế, quy định của Công ty. Tổng Giám Đốc là người đại diện cho Công ty trước pháp luật.





Công ty con và công ty liên kết

Công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG 2

Địa chỉ: Khu Công nghệ Trảng Duệ, xã Hồng Phong, huyện An Dương, Hải Phòng

Ngành nghề kinh doanh chính: sản xuất và kinh doanh sơn các loại

Vốn điều lệ: 20.850.950.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của Sơn Hải Phòng

51%

CÔNG TY TNHH NHỰA PHOENIX

Địa chỉ: Số 12 Lạch Tray, quận Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng

Ngành nghề kinh doanh chính: Bán buôn các loại nhựa nguyên sinh, hạt nhựa màu, nhựa Alkyd, bán buôn hóa chất, bán buôn sơn công nghiệp...

Vốn điều lệ: 6.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của Sơn Hải Phòng

100%

Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN DẦU KHÍ VIỆT NAM

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh sơn các loại

Tỷ lệ sở hữu của Sơn Hải Phòng

31.21%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VLC

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh sơn các loại

Tỷ lệ sở hữu của Sơn Hải Phòng

56.28%

CÔNG TY TNHH SƠN SAMHWA HẢI PHÒNG

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh sơn các loại

Tỷ lệ sở hữu của Sơn Hải Phòng

50%

CTCP BẤT ĐỘNG SẢN VÀ HÓA CHẤT Á CHÂU

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh sơn các loại

Tỷ lệ sở hữu của Sơn Hải Phòng

41.52%

4. GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

Hội đồng quản trị

STT	Họ tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu (%) tính đến 31/12/2019
1	Nguyễn Văn Viện	Chủ tịch HĐQT	615,142	7.68
2	Nguyễn Văn Dũng	Phó Chủ tịch HĐQT – Tổng giám đốc	310,537	3.88
3	Bùi Kim Ngọc	Thành viên HĐQT – Kế toán trưởng	236,483	2.95
4	Vũ Trung Dũng	Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc	41,909	0.52
5	Nguyễn Mộng Lân	Thành viên HĐQT	126,219	1.58



Ông Nguyễn Văn Viện
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày sinh: 15/12/1944

Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư điện, Đại học quản lý kinh tế

Quá trình công tác:

09/1964 – 05/1982: Giáo viên Trường cơ điện Hải Phòng

06/1982 – 03/1989: Phó phòng Tổ chức lao động Sở Công nghiệp Hải Phòng

04/1989 – 12/2003: Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng

01/2004 – 05/2015: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng

05/2015 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng



Ông Nguyễn Văn Dũng
Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày sinh: 08/09/1972

Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư xây dựng, Kỹ sư hóa, Bằng giám đốc điều hành chuyên nghiệp ProCEO của IBL, chứng chỉ Tiếng Anh của Cambridge

Quá trình công tác:

1994 - 1998: Phòng kỹ thuật của CTCP Sơn Hải Phòng
1999 - 2003: Giám đốc chi nhánh CTCP Sơn Hải Phòng tại Tp. Hồ Chí Minh

2004 - 07/20007: Thành viên HĐQT, Giám đốc chi nhánh của CTCP Sơn Hải Phòng tại Tp. Hồ Chí Minh

08/2007 - 05/2015: Thành viên HĐQT CTCP Sơn Hải Phòng, Tổng giám đốc CTCP Sơn tàu biển Vinashin nay đổi tên thành CTCP Sơn dầu khí Việt Nam

05/2015 đến 04/2019: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc CTCP Sơn Hải Phòng

05/2019 đến nay: Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc CTCP Sơn Hải Phòng

**Ông Vũ Trung Dũng**

Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày sinh: 20/06/1959

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Đại học hóa (Kỹ sư hóa dầu)

Quá trình công tác:

1983 - 01/1985: Thực tập tại nhà máy lọc dầu Tiệp Khắc

08/1985 - 04/1989: Phó phòng KCS - Xí nghiệp hóa chất sơn dầu

1990 - 1996: Phó phòng kỹ thuật Công ty Sơn Hải Phòng

1997 - 10/2000: Trưởng chi nhánh CTCP Sơn Hải Phòng tại Tp. Hồ Chí Minh

1997 - 04/2012: Giám đốc Marketing CTCP Sơn Hải Phòng

11/2008 đến nay: Phó Tổng giám đốc CTCP Sơn Hải Phòng

**Bà Bùi Kim Ngọc**

Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày sinh: 16/12/1968

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kế toán tổng hợp - Trường ĐH Kinh tế quốc dân

Trình độ chính trị: Trung cấp chính trị

Quá trình công tác:

10/1989 - 09/1999: Nhân viên phòng tài vụ CTCP Sơn Hải Phòng

10/1999 - 02/2005: Phó phòng tài vụ CTCP Sơn Hải Phòng

03/2005 - 10/2008: Trưởng phòng tài vụ, thành viên HĐQT Công ty cổ phần Sơn Hải Phòng

11/2008 đến nay: Kế toán trưởng, thành viên HĐQT Công ty cổ phần Sơn Hải Phòng

**Ông Nguyễn Mộng Lân**

Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày sinh: 09/01/1949

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư quá trình và thiết bị công nghiệp hóa chất

Quá trình công tác:

1973 - 1995: Viện thiết kế công nghiệp hóa chất

1994 - 1997: Công ty TNHH DASO

1995 - 1997: Phó Tổng giám đốc Liên doanh hóa chất SOFT

1997 đến nay: Tổng giám đốc Công ty TNHH Vico

Ban Điều hành

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (31/12/2019) CP phổ thông	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Nguyễn Văn Dũng	Tổng giám đốc	310,537	3.88
2	Vũ Trung Dũng	Phó Tổng giám đốc	41,909	0.52
3	Bùi Kim Ngọc	Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng <i>(Đã nêu trên giới thiệu HĐQT)</i>	236,483	2.95

Ban kiểm soát

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Bà Lã Quỳnh Chi	Trưởng BKS	10,838	0.14
2	Bà Hoàng Thị Thu	Thành viên BKS	19,543	0.24
3	Bà Nguyễn Thị Thanh Trâm	Thành viên BKS	40,444	0.5

**Bà Lã Quỳnh Chi**

Trưởng Ban kiểm soát

Ngày sinh: 22/02/1966

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế QTKD

Trình độ chính trị: Sơ cấp

Quá trình công tác:

1984 - 1989: Kế toán Ngân hàng Lê Chân

1990 - 1993: Kế toán Trung tâm dịch vụ Công nghiệp - Du lịch

1994 - 2014: Phòng KD - Trưởng phòng KD - Giám đốc Bán hàng - Phó TGD Công ty TNHH VICO

2014 đến nay: Phó TGD Công ty TNHH VICO - Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng

**Bà Hoàng Thị Thu**

Thành viên Ban kiểm soát

Ngày sinh: 16/07/1964

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hóa

Quá trình công tác:

1991 - 1997: Nhân viên phòng kỹ thuật Công ty Sơn Hải Phòng

1997 - 2001: Phó phòng kỹ thuật Công ty Sơn Hải Phòng

2001 - 2005: Trưởng phòng kỹ thuật CTCP Sơn Hải Phòng

10/2005 đến nay: Giám đốc kỹ thuật CTCP Sơn Hải Phòng

**Bà Nguyễn Thị Thanh Trâm**

Thành viên Ban kiểm soát

Ngày sinh: 15/02/1966

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Kế toán thương mại

Quá trình công tác:

1986 - 1990: Nhân viên phòng kế hoạch vật tư và phòng tổ chức hành chính xí nghiệp mạ điện Hải Phòng

1990 - 1998: Nhân viên phòng TCHC Công ty cổ phần Sơn Hải Phòng

10/1998 đến nay: Nhân viên phòng QA Công ty cổ phần Sơn Hải Phòng



5. VỊ THẾ



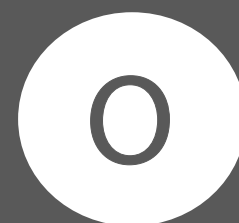
Điểm Mạnh

- Lợi thế cạnh tranh của Sơn Hải Phòng: Lợi thế từ sản phẩm sơn tàu biển chất lượng cao theo chuyển giao công nghệ của hãng Chugoku Nhật Bản.
- Sơn Hải Phòng là một trong những nhà cung ứng sơn hàng đầu trong nước với thị phần mảng sơn tàu biển và công trình biển chiếm đến 50%, các mảng sơn khác cũng đang dần chiếm được sự ưa chuộng của khách hàng trên thị trường như sản phẩm sơn chống cháy, sơn bề mặt thép mạ kẽm,...
- Năm 2017 thành lập liên doanh – chuyển giao công nghệ với Samhwa Hàn Quốc trong sản xuất sơn tấm lợp chất lượng cao.
- Hệ thống cửa hàng, đại lý phân phối rộng khắp cả nước.



Điểm yếu

Ngày nay trên thị trường có rất nhiều hãng sơn khác nhau đang cố gắng tiếp cận, cạnh tranh giành thị phần trong đó đặc biệt là các hãng sơn nước ngoài đầu tư rất lớn cho máy móc công nghệ lẫn trình độ nhân công hơn rất nhiều so với các hãng sơn nội trong nước bao gồm cả Sơn Hải Phòng. Và hơn nữa tâm lý của người tiêu dùng Việt Nam thích sơn ngoại hơn sơn nội. Do đó Công ty phải tích cực khẳng định vị thế, uy tín của mình trên thị trường để đứng vững trong bối cảnh hiện nay.



Cơ hội

Cùng với việc đổi mới công nghệ, trang thiết bị cũng như chính sách bán hàng hợp lý, Sơn Hải Phòng đang tràn đầy cơ hội để tiếp cận sang những thị trường khác trên thế giới. Hơn nữa ngành vận tải biển trong tương lai sẽ còn phát triển mạnh đi theo đó là các đội tàu biển sẽ tăng số lượng lên cao, Công ty tự tin rằng đó sẽ là một tín hiệu đáng mừng để tiếp cận khách hàng và phát triển hơn nữa các sản phẩm sơn tàu biển.



Thách thức

- Ngành công nghiệp đóng tàu và vận tải biển đang trong thời kỳ khó khăn, các doanh nghiệp vừa và nhỏ có xu hướng sử dụng sản phẩm sơn chất lượng kém với giá rẻ. Điều này ảnh hưởng đến mảng sơn chủ lực của Công ty.
- Thị trường sơn công nghiệp, sơn dân dụng bị cạnh tranh mạnh mẽ bởi các hãng sơn nước ngoài đang dần thâm nhập thị phần tại Việt Nam.





6. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Định hướng về công tác kinh doanh

Phát triển thị trường sơn đặc biệt là sơn sàn, sơn chống cháy và sơn tấm lợp.

Mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động cho hệ thống Đại lý thông qua việc hoàn thiện cơ chế chính sách và cơ chế giám sát kiểm soát chặt chẽ.

Đẩy mạnh phát triển thương hiệu thông qua những chiến dịch quảng cáo, xây dựng thương hiệu tốt thân thiện với môi trường được nhiều người tin dùng.



Định hướng về công tác sản xuất

Không ngừng đổi mới và nâng cấp trang thiết bị phục vụ quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao đến từ phía khách hàng cũng như người tiêu dùng về sản phẩm an toàn, thân thiện môi trường từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh cho Công ty.

Tiếp tục cải tiến hệ thống quản lý ISO 9001:2015 và ISO 14001:2015 để đảm bảo chất lượng sản phẩm và uy tín của Công ty trên thị trường và trách nhiệm đối với xã hội.

Định hướng về phát triển nguồn nhân lực

Tăng cường xây dựng các chính sách lương thưởng phúc lợi hấp dẫn đối với cán bộ công nhân viên, có chính sách tìm kiếm thu hút nhân tài để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực hoạt động trong doanh nghiệp.

Tiếp tục và có kế hoạch triển khai các khóa đào tạo cho cán bộ công nhân viên cả trong và ngoài nước đặc biệt tập trung đào tạo cho đội ngũ kỹ sư trong ngành để có chuyên môn cao.



Định hướng về môi trường, xã hội, cộng đồng

Nhận thức được tầm quan trọng của môi trường nên Công ty luôn đáp ứng tốt các yêu cầu, tiêu chuẩn về xử lý chất thải trong sản xuất sơn, tránh gây tác động tiêu cực tới môi trường và cộng đồng. Sơn Hải Phòng cũng có báo cáo về công tác bảo vệ môi trường, có kế hoạch vận hành công trình xử lý chất thải; có kế hoạch quản lý môi trường theo quy định; nộp phí bảo vệ môi trường theo quy định...



Định hướng phát triển thương hiệu và truyền thông

Công ty chú trọng xây dựng bộ nhận dạng thương hiệu; Phương thức truyền thông dưới nhiều hình thức trong đó chú trọng vai trò của truyền thông mạng, hướng tới cộng đồng, hướng tới bảo vệ môi trường và phát triển bền vững





7. CÁC RỦI RO

a. Rủi ro bên ngoài

Rủi ro về kinh tế

Kinh tế thế giới với nhiều biến động: chiến tranh thương mại; giá dầu biến động không ngừng... Sự thay đổi của nền kinh tế thế giới sẽ gây những ảnh hưởng nhất định đối với nền kinh tế trong nước nói chung và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nói riêng. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tăng trưởng của GDP Việt Nam năm 2019 tăng 7.02% so với năm 2018, mức tăng trưởng này vượt mục tiêu đề ra 6.8% và cao hơn mức tăng của các năm từ 2011 – 2018.

Việt Nam đang hội nhập sâu rộng vào thị trường khu vực và thế giới, doanh nghiệp trong nước nói chung và doanh nghiệp ngành sản xuất sơn nói riêng có nhiều cơ hội mở rộng sản xuất, kinh doanh, gia tăng giá trị. Tăng cường hội nhập cũng đồng nghĩa với mở rộng đối thủ cạnh tranh, doanh nghiệp không chỉ cạnh tranh với doanh nghiệp trong nước mà còn với các hãng sơn nổi tiếng trên thế giới.

=> Giải pháp khắc phục:

Kiểm soát chi phí, tối ưu hóa nguồn lực, đảm bảo cấu trúc vốn an toàn. Phát triển kênh phân phối, hệ thống chăm sóc khách hàng, mở rộng đầu ra cho sản phẩm.

Liên doanh liên kết với các hãng sơn lớn trên thế giới, đầu tư nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, sản phẩm đặc thù, phát triển thị trường.



Rủi ro về pháp luật

Sự ổn định của hệ thống chính trị, luật pháp, chính sách của một quốc gia có ảnh hưởng rất nhiều đến sự ổn định và khả năng phát triển của các ngành kinh tế nói chung. Sơn Hải phòng là doanh nghiệp đại chúng hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp sản xuất, chịu sự chi phối của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Đầu tư, Luật Môi trường, Luật Thương mại, Luật Sở hữu trí tuệ... Những thay đổi về pháp luật có thể ảnh hưởng đến hoạt động và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Tuy nhiên với xu hướng phát triển chung của nền kinh tế, Chính phủ cũng đang từng bước hoàn thiện hệ thống tạo môi trường thông thoáng và đơn giản hóa các thủ tục hành chính để đảm bảo phục vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp tốt nhất, do đó rủi ro pháp luật ít ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.



=> Giải pháp khắc phục:

Thường xuyên nghiên cứu, cập nhật các văn bản pháp lý liên quan hoạt động của doanh nghiệp, những thay đổi về chính sách pháp luật và kịp thời ứng dụng, điều chỉnh phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và hoạt động của Doanh nghiệp. Trường hợp cần thiết Công ty sử dụng các đơn vị tư vấn pháp lý chuyên nghiệp để hạn chế tối đa rủi ro, tránh tranh chấp có thể xảy ra.

Rủi ro về lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái

• Về lạm phát: lạm phát cao sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình kinh doanh của Công ty làm chi phí nguyên vật liệu đầu vào tăng cao, hiệu quả kinh doanh giảm sút... Tuy nhiên, mấy năm gần đây lạm phát cao tại Việt Nam được ổn định, duy trì ở mức thấp là động lực thúc đẩy sản xuất kinh doanh của Công ty.

• Về lãi suất: lãi suất huy động vốn cho doanh nghiệp cao sẽ làm chi phí tài chính của doanh nghiệp vay vốn từ đó giảm hiệu suất kinh doanh tuy nhiên rủi ro này đối với Công ty là thấp vì tỷ lệ các khoản vay của Công ty là không cao.

• Về tỷ giá hối đoái: Tỷ giá hối đoái có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Nếu tỷ giá tăng thì chi phí đầu vào của công ty cũng tăng theo, trong khi giá bán sản phẩm lại không thể điều chỉnh tăng tương ứng. Điều này sẽ tác động trực tiếp đến doanh thu của công ty vì nguyên liệu đầu vào của Công ty chủ yếu là được nhập khẩu.



=> Giải pháp khắc phục:

Thường xuyên đánh giá sự biến động về tài chính, chủ động sử dụng các biện pháp phòng ngừa, đảm bảo cấu trúc vốn tối ưu, giảm thiểu tác động bất lợi trước những biến động thị trường tài chính trong và ngoài nước.





b. Rủi ro nội tại

Rủi ro nguyên liệu

Hiện nay, nguyên liệu chính (Bột màu, bột phụ trợ, chất tạo màng...) của ngành sản xuất Sơn trong nước nói chung và của Công ty nói riêng chủ yếu được nhập khẩu từ Indonesia, Singapore, Thái Lan ... Do đó, những sự biến động về kinh tế - chính trị của các nước này sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới nguồn nguyên vật liệu đầu vào của Công ty. Do nguyên vật liệu đầu vào chiếm tỷ trọng lớn (khoảng 60 - 65% giá thành sản phẩm) trong giá thành sản phẩm nên biến động giá cả nguyên vật liệu cũng tác động lớn đến kết quả kinh doanh của Công ty. Vì vậy, rủi ro biến động giá nguyên liệu đầu vào là một rủi ro lớn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

=> *Giải pháp khắc phục:*

Công ty luôn chủ động trong việc xác định sớm thời điểm phát sinh nhu cầu nguyên vật liệu để xây dựng dự toán khối lượng phục vụ cho sản xuất chính xác và kiểm soát được giá cả.

Công ty luôn chủ động nghiên cứu thị trường, có chiến lược hợp lý trong việc đặt mua nguyên vật liệu ở những thời điểm giá tốt và dự trữ nguồn nguyên vật liệu để có thể đảm bảo hoạt động sản xuất được tiến hành liên tục và đạt hiệu quả cao. Đầu tư cho sản xuất nhựa alkyd, nghiên cứu sản xuất nhựa Polyester ..., nội địa hóa nguồn nguyên liệu đầu vào cho sản xuất sơn để tự chủ hơn về nguồn nguyên vật liệu.



Rủi ro đặc thù ngành

Hoạt động chủ yếu của Công ty là sản xuất sơn trong đó sản phẩm chủ đạo là sơn tàu biển. Đây là một lĩnh vực liên quan đến các loại hóa chất nên đây có thể coi là một ngành nghề nhạy cảm và có rủi ro cao do có khả năng gây ảnh hưởng đến môi trường. Ngoài ra trong quá trình sản xuất, Công ty còn phải đối mặt với nguy cơ cao về cháy nổ do các nguyên liệu để sản xuất sơn chủ yếu có nguồn gốc từ dầu mỏ. Hơn thế nữa, khí sơn phát sinh trong quá trình sản xuất có thể ảnh hưởng đến sức khỏe của các cán bộ công nhân viên làm việc trong khu vực nhà máy.



=> *Giải pháp khắc phục:*

Nghiên cứu sản phẩm thân thiện môi trường thay thế sản phẩm truyền thống, sử dụng dung môi nước, nguyên liệu không độc hại cho môi trường phù hợp công ước quốc tế và luật bảo vệ môi trường. Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất nhà máy- hiện đại hóa quy trình sản xuất, đầu tư văn phòng làm việc khang trang hiện đại. Tuân thủ quy định của pháp luật về môi trường, phòng cháy chữa cháy. Thường xuyên tuyên truyền, đào tạo - tập huấn nâng cao ý thức của CBNV về phòng cháy chữa cháy, giữ gìn vệ sinh môi trường nơi làm việc.



Rủi ro tài chính

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh không thể tránh khỏi những sai sót trong việc quản lý tài chính, tài sản, nguồn vốn... và đầu tư do còn phụ thuộc nhiều vào các tác động của thị trường và các tác nhân bên ngoài khác. Do đó Công ty cần phải đánh giá chính xác được tình hình tài chính, lên kế hoạch quản lý vốn hiệu quả để rủi ro ở mức thấp nhất.





03 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

1. Tình hình hoạt động kinh doanh
2. Tổ chức nhân sự
3. Các công ty con, công ty liên kết
4. Tình hình tài chính
5. Cổ đông lớn và thay đổi Vốn chủ sở hữu



1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

THÔNG TIN NGÀNH SƠN VIỆT NAM

Ngành công nghiệp Sơn Việt Nam đã bắt đầu phát triển từ giai đoạn 1914 – 1920, với sự xuất hiện của 3 hãng sơn tại 3 thành phố lớn: Hà Nội – Công ty Sơn Thái Bình – Cầu Diễn, Hải Phòng – Công ty Sơn Nguyễn Sơn Hà (nay là Công ty cổ phần Sơn Hải Phòng) và Sài Gòn – Công ty Sơn Bạch Tuyết. Sau hơn một thế kỷ hội nhập và phát triển, ngành sơn Việt Nam đã đạt tổng giá trị lên tới 1,6 tỷ USD năm 2016 và tốc độ tăng trưởng của ngành đạt kết quả khả quan với mức tăng trưởng khoảng 7 – 10%/năm giai đoạn 2018 – 2019.

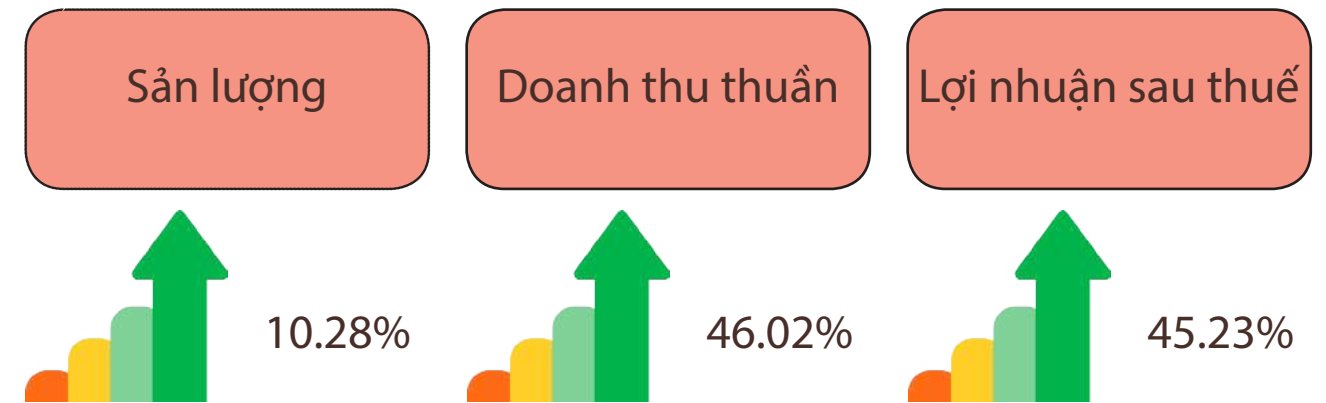
Năm 2019, ngành xây dựng trong nước tiếp tục phát triển, thị trường vật liệu xây dựng, sơn trang trí, đặc biệt là sản phẩm sơn tường cũng tăng trưởng mạnh mẽ. Thị trường Việt Nam có khoảng 600 doanh nghiệp sản xuất và phân phối sơn, trong đó khoảng 70 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Theo báo cáo của Hiệp hội Sơn và Mực in Việt Nam (VPIA) trong 5 năm gần đây sơn ngoại dù có số lượng ít nhưng lại chiếm tới 65% thị phần tại Việt Nam, sơn nội chỉ chiếm 35% nhưng đang có tốc độ tăng trưởng khả quan.

Các hãng sơn ngoại nổi tiếng như Akzonobel, Jotun, Nippon, Mycolor... đều có mặt tại Việt Nam. Các sản phẩm sơn ngoại gồm đủ các chủng loại, mỗi loại đều có tính năng riêng biệt với chất lượng cao. Sản phẩm sơn ngoại phục vụ cho nhiều mục đích như sơn xây dựng, sơn sân bay, tàu biển, sơn phủ tôn mạ, gỗ...

Các hãng sơn nội như: Sơn xây dựng (Kova, Hải Phòng...), sơn tàu biển (Sơn Hải Phòng,...) chiếm 35% thị trường. So với sơn ngoại, sơn nội dù chất lượng tốt nhưng chỉ chiếm 1/3 thị phần do sơn ngoại đầu tư mạnh vào quảng cáo và đã thâm nhập thị trường Việt Nam từ lâu. Để giành thị phần các hãng sơn nội chủ yếu cạnh tranh bằng giá (giảm giá hoặc chiết khấu 30 – 40% so với giá niêm yết). Tuy nhiên, một số doanh nghiệp trong nước đã mạnh dạn tìm kiếm thị trường nước ngoài như sản phẩm sơn đá của Sơn Hòa Bình hay như sơn áo chống đạn của Sơn Kova.



KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH SO VỚI KẾ HOẠCH



Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2019

Chỉ tiêu	Đơn vị	KH năm 2019	TH năm 2019	TH 2019/KH 2019
Sản lượng	Tấn	9000	9925	10.28%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	545	795.84	46.02%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	60	87.14	45.23%



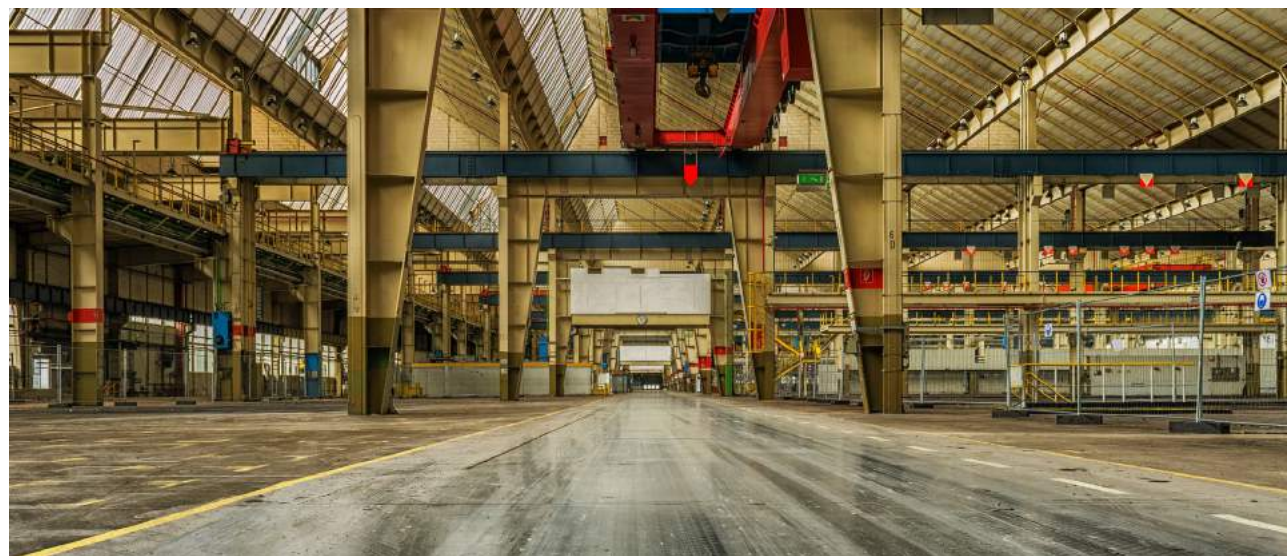
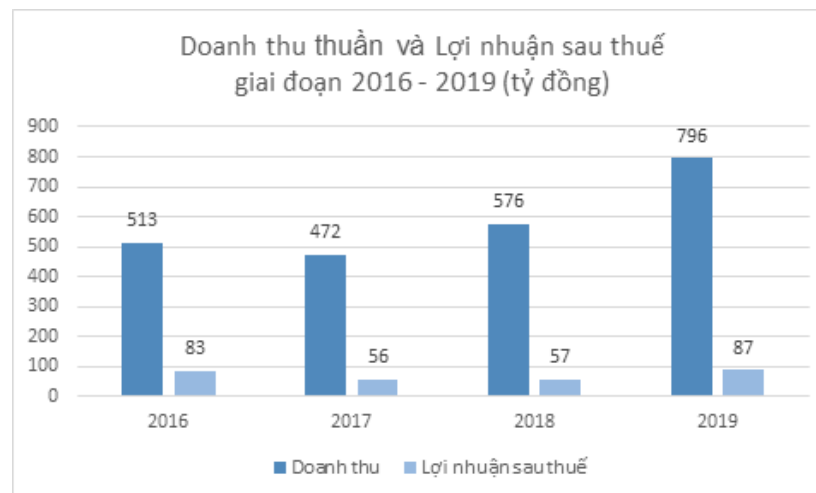


KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH QUA CÁC NĂM

Bảng chỉ tiêu kết quả kinh doanh giai đoạn 2016 - 2019

Chỉ tiêu	Đơn vị	2016	2017	2018	2019	2019/2018 (%)	Tăng trung bình 2016 - 2019 (%)
Sản lượng	Tấn	7941	6600	7738	9925	28.26	7.71
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	504.44	470.94	575.81	795.84	38.21%	16.42%
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	334.7	341.8	445.01	604.80	35.91%	21.80%
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	169.7	129.13	130.8	191.04	46.05%	4.03%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	83.05	55.83	57.06	87.67	53.64 %	1.82%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	82.82	55.67	56.9	87.14	53.14%	1.71%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán 2016, 2017, 2018, 2019



Phân tích nguyên nhân

Sau những năm khá suy thoái của ngành Hàng hải, giai đoạn 2017 – 2018, Sơn Hải Phòng đã có những bước tiến mới sang các sản phẩm tiềm năng khác như Sơn công nghiệp, nhựa Alkyd...đồng thời cũng mở rộng phạm vi hoạt động của Công ty đến các thị trường mới. Trong năm 2019 Công ty đã đạt kết quả kinh doanh rất tốt khi doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế đều tăng trưởng cao so với cùng kì năm trước, cụ thể doanh thu thuần tăng 38.21% và lợi nhuận sau thuế tăng cao với mức 53.14%. Nguyên nhân để đạt được thành công này là do:

Mảng sơn tàu biển

Công ty tăng cường tiếp cận các dự án về sơn tàu nhỏ, tàu tư nhân, tàu quân đội, một số tàu sửa chữa, các công ty vận tải biển truyền thống. Do vậy, dù gặp nhiều khó khăn nhưng công ty đã cạnh tranh được với các công ty sơn khác trên thị trường những khách hàng quan trọng mang lại doanh thu lớn. Cùng với đó công ty cũng kết hợp với hãng Chugoku để áp dụng giá sơn bảo dưỡng ưu đãi nhất cho những khách hàng lớn như Vosco, Vinalise Shipping, HTK, Tân Bình, VTB QT Bình Minh...nên doanh thu sơn tàu biển ở nước ngoài tăng trưởng cao hơn so với năm 2018.

Mảng sơn công nghiệp, sơn chống cháy: Công ty đã đẩy mạnh sản xuất, tìm kiếm thị trường cho các sản phẩm sơn chống cháy, sơn tấm lợp, sơn chống rỉ...các sản phẩm đã được đưa ra thị trường và được khách hàng đón nhận tốt.

Mảng sơn dân dụng: Công ty tích cực mở rộng thị trường dân dụng, sơn Economy, sơn thép mạ kẽm trên hệ thống các nhà phân phối và đại lý trên cả nước. Tổng doanh thu đại lý năm 2019 tăng 18% so với 2018.

Mảng nhựa Alkyd: Năm 2019 sản lượng nhựa sản xuất được là 3557 tấn, tăng 8% so với năm 2018 và doanh thu đạt 90035 tỷ đồng

THỊ PHẦN TIÊU THỤ

Mảng kinh doanh chủ lực của Công ty là sơn tàu biển và công trình thủy lợi với 50% thị phần tiêu thụ cả nước. Với mảng sơn dân dụng, công ty tiếp tục phát triển hệ thống đại lý tại phía Bắc như Hà Nội, miền Trung và Nam Trung Bộ và các tỉnh chưa có đại lý. Tính đến nay công ty đã có 92 đại lý trên khắp cả nước. Có 37 đại lý đạt doanh thu trên 1 tỷ đồng/tháng, có 41 đại lý đạt doanh thu trên 500 triệu đồng/tháng.

50%
Thị phần cả nước

92
Đại lý toàn quốc



2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

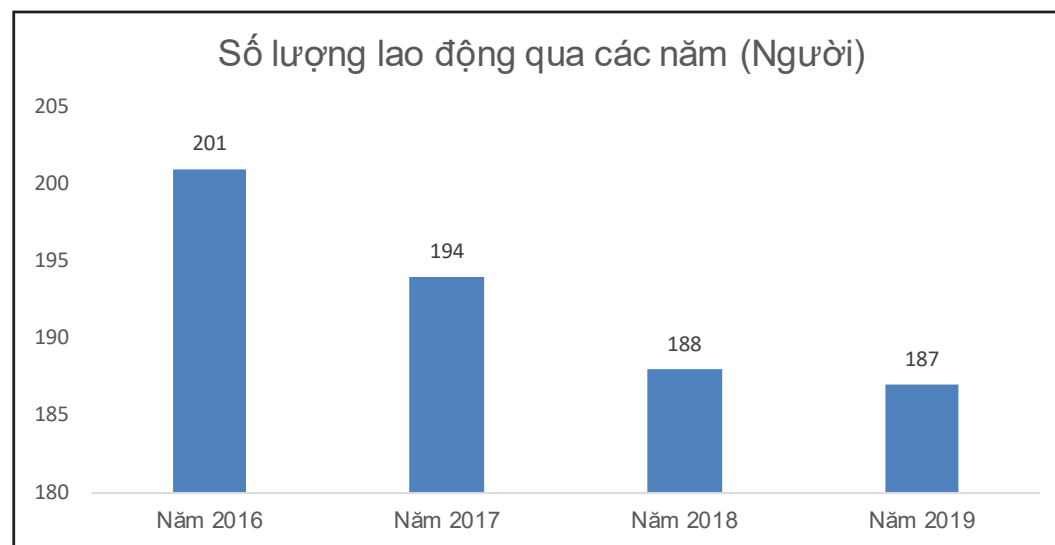
a. Ban điều hành

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (31/12/2019)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Nguyễn Văn Dũng	Tổng giám đốc	310,537	3.88
2	Vũ Trung Dũng	Phó Tổng giám đốc	41,909	0.52
3	Bùi Kim Ngọc	Thành viên HĐQT – Kế toán trưởng	236,483	2.95

b. Nhân sự và chính sách nhân sự

Nhân sự là một trong những vấn đề trọng tâm hàng đầu mà Ban lãnh đạo HPP luôn chú ý.

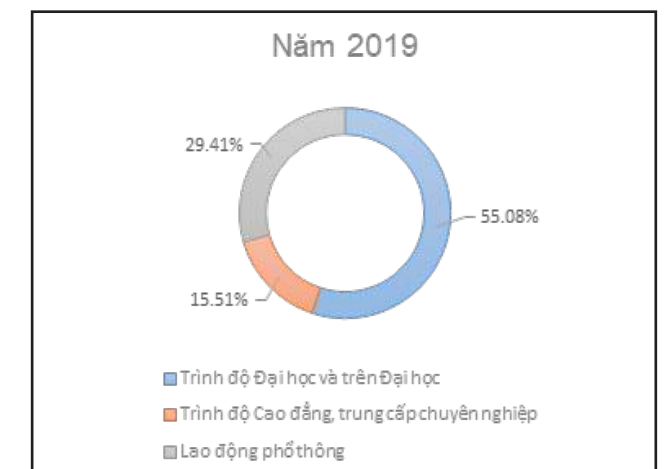
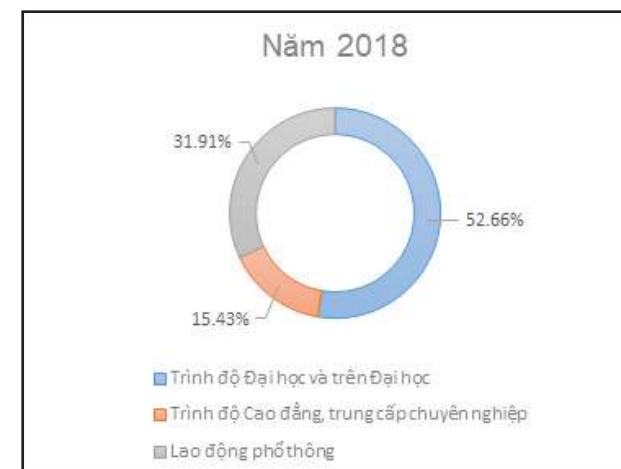
Số lượng nhân sự



Cơ cấu nhân sự

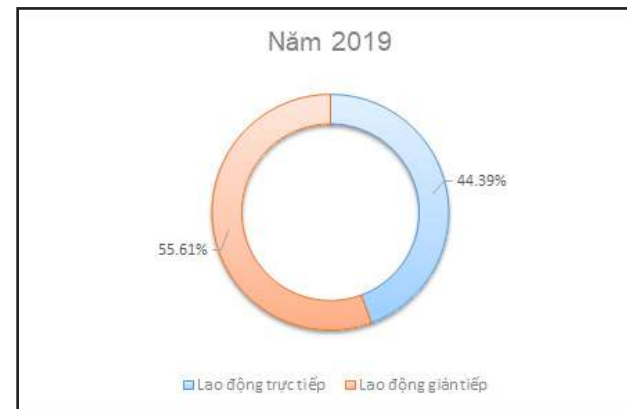
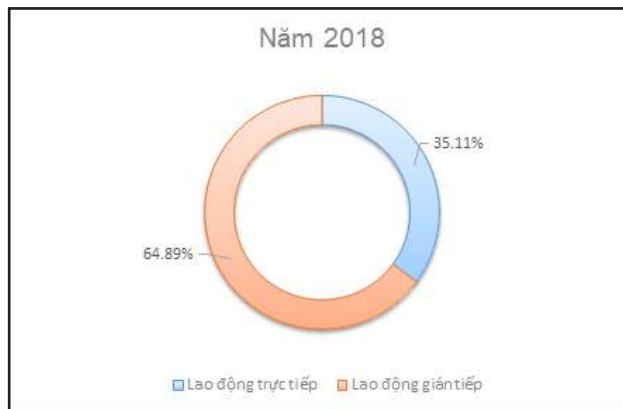
STT	Tiêu chí	Đơn vị tính	Năm 2018	Năm 2019	Tỷ Trọng Năm 2019
I	Theo trình độ lao động		188	187	100%
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	Người	99	103	55.08%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	Người	29	29	15.51%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	Người	0	0	0
4	Lao động phổ thông	Người	60	55	29.41%
II	Theo đối tượng lao động		188	180	100%
1	Lao động trực tiếp	Người	66	83	44.39%
2	Lao động gián tiếp	Người	122	104	55.61%
III	Theo giới tính		188	187	100%
1	Nam	Người	141	142	75.94%
2	Nữ	Người	47	45	24.06%
IV	Theo thời hạn HĐLĐ		188	187	100%
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	0	0	0	0
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	Người	22	17	9.09
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	Người	166	170	90.91
V	Theo độ tuổi		188	187	100%
1	Từ 18 đến 25 tuổi	Người	9	7	3.74
2	Từ 26 đến 35 tuổi	Người	61	65	34.76
3	Từ 36 đến 45 tuổi	Người	55	56	29.95
4	Trên 45	Người	63	59	31.55

Cơ cấu lao động theo trình độ

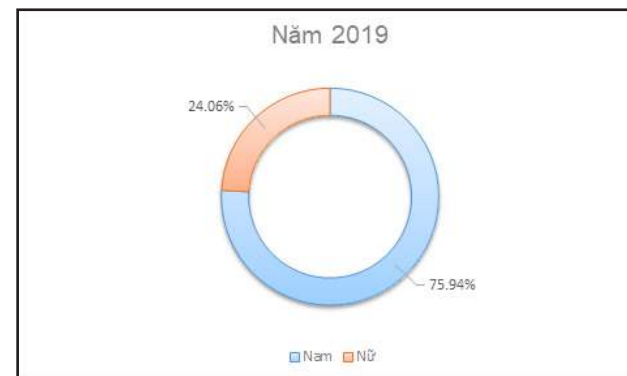
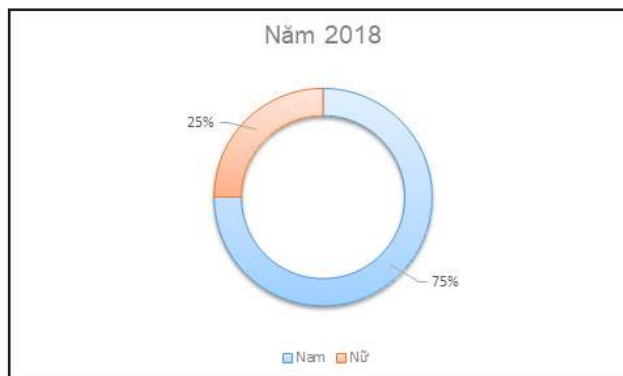




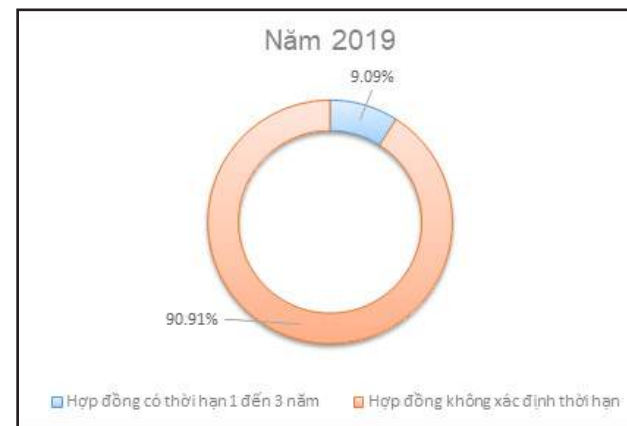
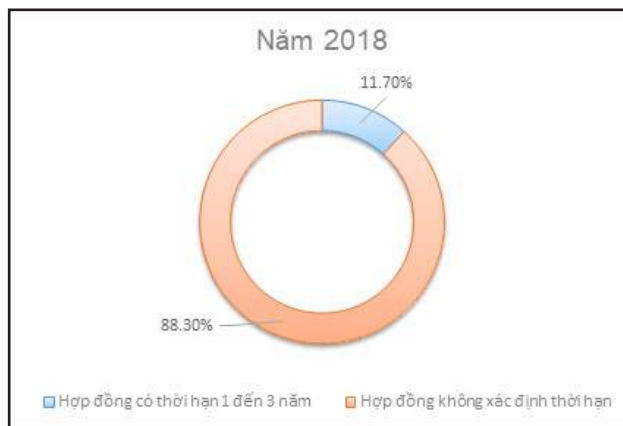
Cơ cấu lao động theo đối tượng



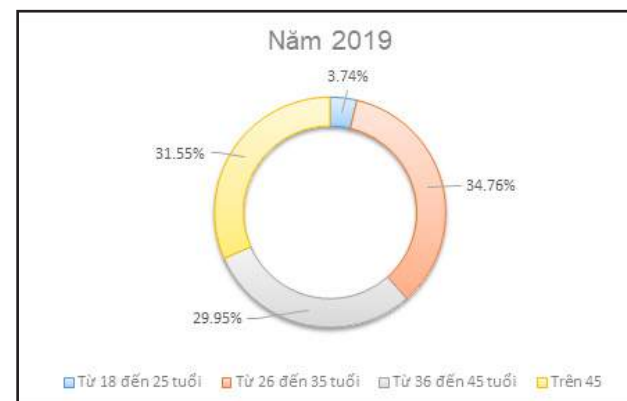
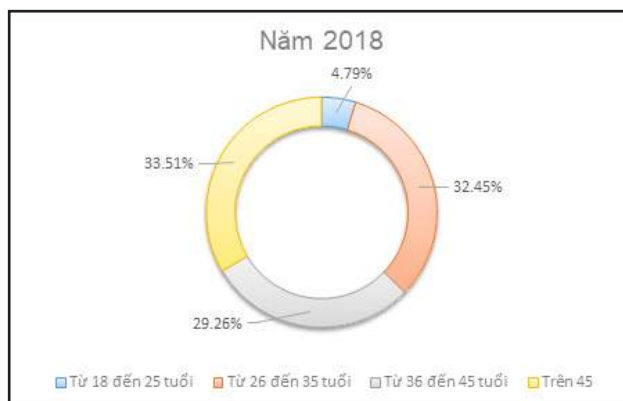
Cơ cấu lao động theo giới tính



Cơ cấu lao động theo thời hạn hợp đồng



Cơ cấu lao động theo độ tuổi



Chính sách đối với người lao động

Chính sách lương thưởng phúc lợi:

Công ty đã xây dựng một chính sách lương phù hợp khuyến khích người lao động tích cực tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty: lương khoán sản phẩm đối với bộ phận sản xuất và khoán doanh thu cho bộ phận bán hàng. Công ty cũng xây dựng một cơ chế lương riêng ưu đãi cho các cán bộ nhân viên tham gia vào hoạt động phân tích nghiên cứu cải tiến kỹ thuật và sản phẩm mới của Công ty.

• Công ty có một chính sách lương thích hợp với trình độ năng lực và công việc của từng cá nhân và giải thưởng dành cho các cá nhân có kết quả đóng góp vượt trội.

• Ngoài ra, để thúc đẩy tinh thần làm việc tập thể, đoàn kết góp phần tăng năng suất, chất lượng hoàn thành công việc. Công ty còn xét khen thưởng tập thể có tinh thần thái độ làm việc tích cực, có sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Mức lương bình quân (VNĐ)	
Năm 2016	16,010,000
Năm 2017	15,915,000
Năm 2018	16,120,000
Năm 2019	19,940,000

Đào tạo người lao động:

Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng các kỹ năng nghiệp vụ cho nhân viên quản lý cấp trung gian, hoạt động đào tạo hàng năm được xem xét và thực hiện theo phương thức đào tạo nội bộ và học bên ngoài.

Số giờ đào tạo	Giờ / người / năm
Năm 2017	0.4
Năm 2018	24.7
Năm 2019	8.5

• Tổng số giờ đào tạo trong năm:

Số giờ đào tạo	Giờ
Năm 2016	2144
Năm 2017	4416
Năm 2018	4605
Năm 2019	1600

• Các chương trình đào tạo trong năm:

- Huấn luyện tuyên truyền nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy (186 người).

- Đào tạo lý thuyết sản xuất sơn, nhựa (44 người).

- Huấn luyện an toàn vệ sinh lao động nhóm 4 (69 người).

- Đào tạo nghiệp vụ, kỹ năng xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, tham gia xây dựng tiêu chuẩn quốc tế dành cho Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia (1 người).

- Đào tạo hướng dẫn, sử dụng hệ thống để thực hiện báo cáo và công bố thông tin.

- Đào tạo về hệ thống phòng thử nghiệm phiên bản mới (ISO/IEC 17025:2017) cho 2 người của phòng kỹ thuật thử nghiệm.

- Đào tạo kiến thức về chế thử sản phẩm, kiểm tra chất lượng nguyên liệu và sản phẩm sơn, nhựa Alkyd cho 2 nhân viên mới tuyển dụng.





3. CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

a. Công ty con



Tên công ty con	Công ty cổ phần Sơn Hải Phòng số 2
Mã chứng khoán	Chưa niêm yết/đăng ký giao dịch
Loại hình	Công ty cổ phần
Địa chỉ	KCN Tràng Duệ, An Dương, Hải Phòng
Điện thoại	0225.3.929.268
Fax	0225.3.929.269
Email	tin.hp@hpp2.com
Website	http://wwwhpp2.com.vn/
Lĩnh vực kinh doanh chính	Sản xuất sơn nước và sơn tĩnh điện
Tỷ lệ nắm giữ	51% (Vốn điều lệ 20.85 tỷ đồng)
Quy mô hoạt động	Công suất sản xuất 6000 tấn/năm sơn bột, sơn trang trí các loại

Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2019 của CTCP Sơn Hải Phòng số 2

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2018	Năm 2019	Tăng giảm
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	97.8	137.28	40.36%
Lợi nhuận từ hoạt động KD	Tỷ đồng	3.44	10.8	213.95%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	2.63	10.03	281.36%



Tên công ty con	Công ty TNHH Nhựa Phoenix
Mã chứng khoán	Chưa niêm yết/đăng ký giao dịch
Loại hình	Công ty TNHH một thành viên
Địa chỉ	Tầng 8 tòa nhà SHP PLAZA, số 12 Lạch Tray, Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng
Điện thoại	0225.3.929.268
Fax	0225.3.929269
Lĩnh vực kinh doanh chính	Bán buôn hạt nhựa nguyên sinh, hạt nhựa màu, nhựa Alkyd, nhựa Poly ester, nhựa Acrylic; Bán buôn hóa chất ngành sơn; Bán buôn sơn công nghiệp, mực in, keo
Tỷ lệ nắm giữ	100% (VĐL 6 tỷ đồng)

Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2019 của Công ty TNHH Nhựa Phoenix

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2018	Năm 2019	Tăng giảm
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	29.21	127.43	336.25%
Lợi nhuận từ hoạt động KD	Tỷ đồng	0.024	0.04	66.7%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	0.019	0.032	68.24%

**b. Các công ty liên kết**

Tên công ty liên kết	Công ty TNHH Sơn Samhwa Hải Phòng
Mã chứng khoán	Chưa niêm yết / Đăng ký giao dịch
Loại hình	Công ty TNHH hai thành viên
Địa chỉ	Số 21 đường 208 – Xã An Đồng – Huyện An Dương – Tp. Hải Phòng
Lĩnh vực kinh doanh chính	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán buôn (không thành lập cơ sở bán buôn) các hàng hóa không thuộc danh mục không được phân phối theo quy định pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên
Tỷ lệ nắm giữ	50%
Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	Công ty TNHH Sơn Samhwa Hải Phòng được thành lập 5/2018, liên doanh giữa công ty Sơn Hải Phòng và Công ty TNHH Sơn Samhwa Vina. Hiện đang chuyên cung cấp các sản phẩm sơn tẩm lợp

Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2019 Công ty TNHH Sơn Samhwa Hải Phòng

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2018	Năm 2019	Tăng giảm
Doanh thu thuần	Tỷ đồng		95.14	
Lợi nhuận từ hoạt động KD	Tỷ đồng		2.2	
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng		1.97	

Tên công ty liên kết	Công ty cổ phần Bất động sản Sơn và Hóa chất Á Châu
Mã chứng khoán	Chưa niêm yết / Đăng ký giao dịch
Loại hình	Công ty cổ phần
Địa chỉ	Số 12 Lạch Tray, Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng
Điện thoại	(031) 3.250.368 / 0901.528.111
Fax	031.3.250.968
Email	shphaiphong@gmail.com
Lĩnh vực kinh doanh chính	Kinh doanh bất động sản
Tỷ lệ nắm giữ	41.52%
Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	Công ty Cổ phần Bất động sản Sơn và Hóa chất Á Châu được thành lập ngày 22/09/2009 với chức năng kinh doanh bất động sản, đầu tư cơ sở hạ tầng với năng lực tài chính hiện có - Dự án SHP Plaza tại số 12 Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng là dự án trọng điểm nhất tại Trung tâm Tp. Hải Phòng với quy mô 28 tầng nổi và 2 tầng hầm được thiết kế bởi công ty kiến trúc hàng đầu Nhật Bản - Cty TNHH tư vấn XD FUJINAMI. Dự án là tổ hợp Căn hộ cao cấp, Văn phòng, Trung tâm thương mại và Khách sạn quốc tế 5 sao sẽ tạo điểm nhấn đặc biệt nổi bật và ấn tượng cho Thành phố Hải Phòng.

Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2019 CTCP Bất động sản Sơn và Hóa chất Á Châu

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2018	Năm 2019	Tăng giảm
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	352.08	152.83	-56.6%
Lợi nhuận từ hoạt động KD	Tỷ đồng	44.18	-12.3	-127.84%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	38.66	-	-



Tên công ty liên kết	Công ty cổ phần Tập đoàn VLC
Mã chứng khoán	Chưa niêm yết / Đăng ký giao dịch
Loại hình	Công ty cổ phần
Địa chỉ	Số 21 đường 208 – An Đồng – An Dương – Hải Phòng
Điện thoại	0313.292019
Fax	0313.571053
Email	support@vlc-group.com
Website	vlc-group.com
Lĩnh vực kinh doanh chính	Sơn, bột giặt và hóa mỹ phẩm, bao bì, bất động sản
Tỷ lệ nắm giữ	56.28%
Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	Tháng 03/2010 tập đoàn VLC chính thức được thành lập bao gồm 08 công ty thành viên, thuộc 04 nhóm sản phẩm chính: Sơn, bột giặt và hóa mỹ phẩm, bao bì, bất động sản
Quy mô hoạt động	Quy mô: lĩnh vực sơn: 20.000 – 30.000 tấn/năm, lĩnh vực bột giặt và nước rửa chén: 120000-150000 tấn/năm (công ty TNHH vico), Tháp bột giặt công suất 50.000 – 75.000 tấn/năm, các loại chất tẩy rửa dạng lỏng từ 20.000 – 30.000 tấn/năm (công ty CP VILACO)

Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2019 CTCP Tập đoàn VLC

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2018	Năm 2019	Tăng giảm
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	4.64	1.55	-66.6%
Lợi nhuận từ hoạt động KD	Tỷ đồng	-0.77	-0.62	19.5%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	-0.77	-0.62	19.5%

Tên công ty liên kết	Công ty cổ phần Sơn dầu khí Việt Nam
Mã chứng khoán	Chưa niêm yết / Đăng ký giao dịch
Loại hình	Công ty cổ phần
Địa chỉ	Lầu 10, tòa nhà GREEN POWER, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại	0282.2205.321
Email	pvpaint@pvpaint.vn
Website	http://pvpaint.vn
Lĩnh vực kinh doanh chính	Sản xuất và mua bán: các loại sơn (cho các lĩnh vực tàu biển, công trình biển, công nghiệp, công trình giao thông, cầu thép, bột tính điện, trang trí, xây dựng dân dụng), nguyên liệu, trang thiết bị phục vụ ngành công nghiệp tàu thủy bột giặt và hóa mỹ phẩm, bao bì, bất động sản
Tỷ lệ nắm giữ	31.21%
Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	Công ty Cổ phần Sơn dầu khí Việt Nam (PV Paint) được thành lập ngày 3 tháng 10 năm 2006 trên cơ sở liên doanh giữa tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng. Nhà máy sản xuất của PV Paint được xây dựng trên diện tích 30.000 m2, công suất 10.000 tấn/năm, khởi công ngày 1/6/2007 và khánh thành ngày 21/01/2008 (Số 11, đường số 2, Khu Công nghiệp Sóng thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương). Là nhà máy hiện đại vào bậc nhất Việt Nam tính đến thời điểm này với dây chuyền sản xuất đồng bộ được nhập từ hãng Inoue Nissei (Japan), cùng công nghệ sản xuất sơn tiên tiến, ưu việt được chuyển giao trực tiếp từ hãng Chugoku Marine Paint (Japan), một trong sáu hãng sơn hàng đầu thế giới trong lĩnh vực sơn tàu biển và công trình biển.

Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2019 CTCP Sơn dầu khí Việt Nam

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2018	Năm 2019	Tăng giảm
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	119.14	128.08	7.5%
Lợi nhuận từ hoạt động KD	Tỷ đồng	0.92	5.67	516.3%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	0.018	4.54	25122.2%



4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

a. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	2018	2019	Tăng giảm (%)
Tổng giá trị tài sản	620.8	761.06	22.59%
Doanh thu thuần	575	795.84	38.41%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	56.9	86.91	52.74%
Lợi nhuận khác	0.065	0.77	1084.61%
Lợi nhuận trước thuế	57	87.67	53.81%
Lợi nhuận sau thuế	56.9	87.14	53.15%

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018, 2019

Đơn vị: Tỷ đồng

Nhìn chung các chỉ tiêu tài chính của công ty trong năm 2019 đều tăng mạnh so với năm 2018. Tăng cao nhất đến từ lợi nhuận khác khi đã tăng hơn 1000%, từ chỗ giá trị 65 triệu đồng vào năm 2018 (thấp hơn nhiều so với năm 2016 và 2017) đã tăng lên thành 770 triệu đồng năm 2019. Nguyên nhân là do năm 2019 đã giảm mạnh phần giá trị còn lại tài sản, công cụ, vật tư thanh lý so với năm trước, từ chỗ hơn 1.6 tỷ đồng năm 2018 đã giảm chỉ còn gần 200 triệu đồng năm 2019 nên làm cho phần chi phí khác cũng giảm mạnh. Bên cạnh đó tăng trưởng thấp nhất trong tình hình tài chính Công ty là tăng trong tổng giá trị tài sản khi tăng 22.59% so với năm 2018, nguyên nhân là do đều tăng trong tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn. Cả lợi nhuận trước thuế và sau thuế cũng tăng trên 50% so với năm trước, lần lượt cụ thể là 53.81% và 53.15% do sản lượng năm 2019 của Công ty tăng.

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	2018	2019	Tăng/giảm (%)
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1.07	1.16	8.7%
- Hệ số thanh toán nhanh	lần	0.60	0.79	31.3%
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
- Hệ số nợ/tổng tài sản	%	51.00%	52.30%	2.5%
- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	%	105.00%	109.64%	4.4%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
- Vòng quay hàng tồn kho	vòng	3.33	4.28	28.6%
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	vòng	0.93	1.05	12.4%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	10.00%	10.95%	9.5%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH	%	19.00%	24.00%	26.3%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS	%	9.00%	11.45%	27.2%
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần	%	10.00%	10.92%	9.2%

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018, 2019

Về chỉ tiêu khả năng thanh toán

Các chỉ tiêu khả năng thanh toán năm 2019 đã có sự cải thiện hơn so với năm 2018. Chỉ tiêu khả năng thanh toán nợ ngắn hạn tăng từ 1.07 lần lên 1.16 lần, ở mức khá an toàn.

Chỉ số khả năng thanh toán nhanh cũng tăng nhẹ từ mức 0.6 lần năm 2018 lên 0.79 lần năm 2019, cho thấy khả năng thanh toán của công ty đang được cải thiện rõ rệt.

Về chỉ tiêu cơ cấu nguồn vốn

Công ty có khả năng chiếm dụng vốn, cũng như đòn bẩy tài chính ở mức cao khi hệ số tổng nợ/tổng tài sản trong năm 2019 ở mức 52.3% tăng 2.5% so với năm 2018 đồng thời hệ số tổng nợ/vốn chủ sở hữu cũng tăng 4.4% so với năm trước, giữ ở mức 109.64%.

Về chỉ tiêu năng lực hoạt động

Chỉ tiêu vòng quay hàng tồn kho năm 2019 đã tăng 0.95 vòng so với năm trước, đạt 4.28 vòng/năm, điều này cho thấy tốc độ quay vòng của hàng hóa trong kho 2019 nhanh hơn 2018, tốc độ bán hàng của Công ty tăng cao và hàng tồn kho ít bị ứ đọng nhiều. Chỉ tiêu doanh thu thuần/tổng tài sản cũng tăng từ 0.93 lần lên 1.05 lần năm 2019, điều này có nghĩa 1 đồng tài sản tham gia

vào quá trình sản xuất kinh doanh tạo ra 1.05 đồng doanh thu, công ty đã cho thấy sự hiệu quả trong việc sử dụng tài sản của mình. Nguyên nhân chủ yếu là do sản lượng sơn tiêu thụ năm 2019 tăng, khiến cho doanh thu bán hàng tăng 38.2% so với năm trước.

Về chỉ tiêu khả năng sinh lời

Do các chỉ tiêu về năng lực hoạt động của Công ty đang được cải thiện đáng kể nên tất cả các chỉ tiêu khả năng sinh lời năm 2019 đều có dấu hiệu tăng so với năm trước đó. Tăng cao nhất là hệ số lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản khi đã tăng trưởng 27.2% so với năm trước, giữ ở mức 11.45%. Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên doanh thu thuần cũng tăng lên giữ ở mức 10.92%.

Với tiềm lực đã phát triển hiện nay, công ty hy vọng rằng trong năm 2020 các chỉ số này vẫn tiếp tục tăng trưởng hơn nữa, tạo niềm tin cho cổ đông khi đã đầu tư vào Sơn Hải Phòng mặc dù dự báo năm 2020 sẽ là một năm khó khăn khi chúng ta đã phải chứng kiến tác động của dịch bệnh Covid - 19 làm nền kinh tế thế giới chao đảo và Việt Nam cũng không ngoại lệ. Công ty sẽ tiếp tục nỗ lực cố gắng để khẳng định vị thế của mình trên thị trường, tiếp cận các khách hàng, thị trường tiềm năng để đưa sản phẩm của Sơn Hải Phòng phổ biến rộng rãi hơn nữa.





5. CỔ ĐÔNG LỚN VÀ THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Cổ phần

Tính đến hết ngày 31/12/2019, Công ty cổ phần Sơn Hải Phòng đã phát hành 8,007,177 cổ phiếu. Trong đó:

- Số cổ phần phổ thông: 8,007,177 cổ phiếu
- Số cổ phần ưu đãi: 0 cổ phiếu
- Số cổ phần đang lưu hành: 7,960,436 cổ phiếu
- Số cổ phiếu quỹ: 46,741 cổ phiếu
- Mệnh giá cổ phiếu: 10,000 VNĐ



b. Cơ cấu cổ đông

Bảng cơ cấu cổ đông

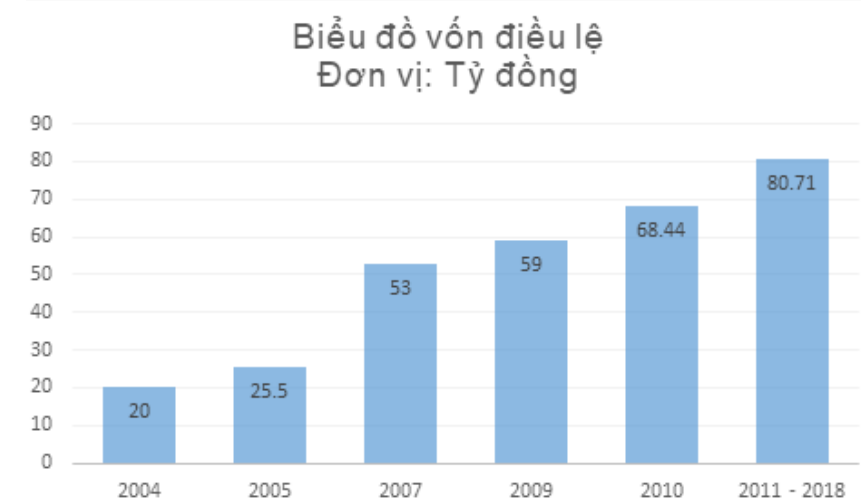
STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng CP năm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông trong nước	545	7,166,047	89.5%
	- Tổ chức	7	628,777	7.85%
	- Cá nhân	538	6,537,270	81.65%
2	Cổ đông nước ngoài	6	841,130	10.5%
	- Tổ chức	1	814,320	10.17%
	- Cá nhân	5	26,810	0.33%
3	Tổng số	551	8,007,177	100%

Danh sách cổ đông lớn của Công ty

Tên tổ chức/cá nhân	Loại cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
Công ty TNHH Sơn tàu biển Chogoku	Tổ chức	814,320	10.17%
Nguyễn Văn Viện	Cá nhân	615,142	7.68%
Lưu Thị Phương Lan	Cá nhân	463,304	5.79%
Nguyễn Thị Xuân Dung	Cá nhân	397,904	4.97%

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Lịch sử tăng vốn: Công ty không có đợt tăng vốn nào kể từ năm 2011.



d. Tình hình cổ phiếu trong năm 2019

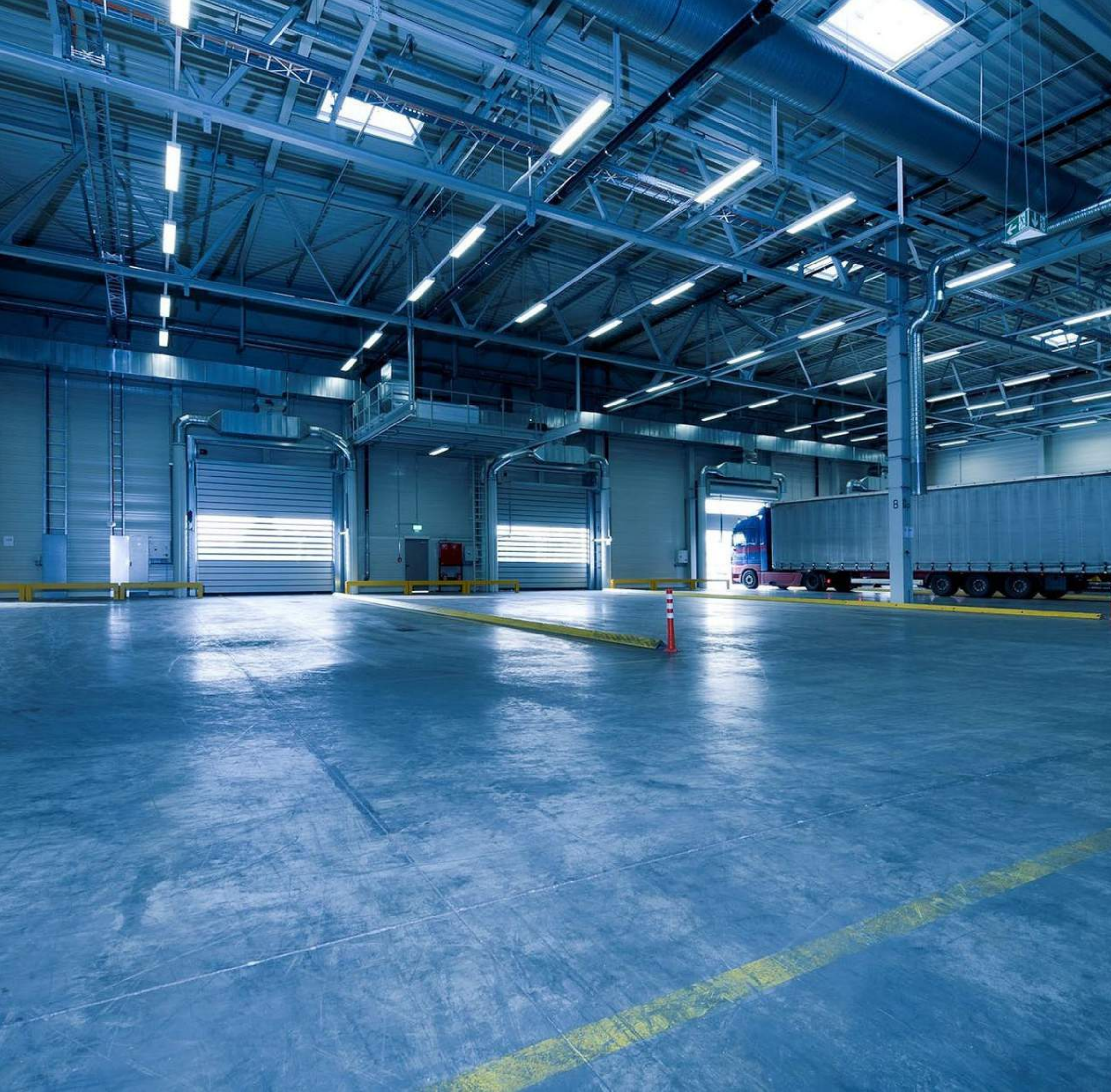
- Tổng số phiên: 250
- Tổng KL khớp: 623,262 cổ phiếu
- Tổng GT khớp: 21.2 tỷ đồng
- Tổng KL đặt mua: 458,114 cổ phiếu
- Tổng KL đặt bán: 896,076 cổ phiếu
- Giá đóng cửa cao nhất: 40,262 VNĐ (21/01/2019)

- Giá đóng cửa thấp nhất: 29,345 VNĐ (16/08/2019)
- Khối lượng giao dịch bình quân ngày: 2493 cổ phiếu
- KLGD nhiều nhất: 403,743 cổ phiếu (11/10/2019)
- KLGD ít nhất: 10 cổ phiếu (31/12/2019)

e. Cổ phiếu quỹ

- Số lượng cổ phiếu quỹ của Công ty: 46,741
- Giao dịch cổ phiếu quỹ của Công ty: Không có





04 BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Những thuận lợi và khó khăn ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh năm 2019
2. Kết quả sản xuất kinh doanh 2019
3. Tình hình tài chính
4. Những đổi mới, cải tiến
5. Định hướng phát triển



1. NHỮNG THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN ẢNH HƯỞNG ĐẾN KQKD 2019

a. Thuận lợi

- Kinh tế - xã hội nước ta năm 2019 tiếp tục khởi sắc với tăng trưởng GDP đạt 7.02%. Tình hình kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực; chất lượng tăng trưởng được cải thiện.
- Công ty đã áp dụng cơ chế chính sách linh hoạt đối với đại lý, nhà phân phối. Đã đưa sản phẩm sơn Economy và sơn trên bề mặt thép mạ kẽm ra thị trường qua hệ thống đại lý và bán trực tiếp cho khách hàng
- Công ty tập trung phát triển sơn Công nghiệp và dân dụng, đặc biệt sơn chống cháy và sơn kết cấu thép nhà xưởng.
- Mua thêm công thức nhựa Alkyd, nâng cao chất lượng nhựa, tăng cường bán hàng nhựa giúp nâng cao doanh thu



b. Khó khăn

- Giá dầu mỏ tăng cao làm giá vật tư tăng từ 10 – 40%, kết hợp với tỷ giá đô la tăng trên 23000 đồng/USD, làm tăng giá vốn sản phẩm trong khi đó giá bán sơn không tăng khiến cho lợi nhuận giảm.
- Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung ngày càng diễn biến phức tạp ảnh hưởng khá nhiều đến kinh tế Việt Nam nói chung và ngành sơn nói riêng. Hơn nữa, đại dịch Covid - 19 toàn cầu trong những tháng đầu năm 2020 đã khiến kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng đình trệ, tác động tiêu cực đến tất cả các doanh nghiệp.
- Giá nguyên liệu đầu vào tăng cao do thị trường cung ứng trên thế giới gặp nhiều khó khăn.
- Thời tiết diễn biến phức tạp, mưa nhiều làm sản lượng sơn sử dụng giảm, giải ngân vốn đầu tư công thấp dẫn đến không thuận lợi trong việc bán hàng.
- Ngành tàu biển vẫn tiếp tục gặp nhiều khó khăn, các sản phẩm đóng mới vẫn chưa phát triển, chỉ tập trung vào tàu sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ.





2. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

Trước những khó khăn thách thức trong năm 2019, Công ty đã đạt được kết quả kinh doanh như sau:

Chỉ tiêu	KH 2019	Thực hiện		Tăng trưởng %	
		2019	2018	So với KH	So với 2018
Sản lượng (Tấn)	9000	9925	7738	10.28%	28.26%
Doanh thu thuần (Tỷ đồng)	545	795.84	575.81	46.02%	38.21%
Lợi nhuận sau thuế (Tỷ đồng)	60	87.14	56,90	45.23%	53.14%



Đánh giá chung

- Năm 2019 là một năm tương đối khó khăn đối với các Công ty sơn trong cả nước, hầu hết các hãng sơn đều bị ảnh hưởng nghiêm trọng: sụt giảm sản lượng, doanh thu và lợi nhuận. Nhưng đối với Sơn Hải Phòng thì năm 2019 vẫn là một năm kinh doanh khả quan của Công ty khi mà sản lượng, doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế đều vượt kế hoạch chỉ tiêu và vượt cả năm 2018 trong đó lợi nhuận sau thuế vượt cao nhất khi vượt 45.23% so với kế hoạch và 53.14% so với năm 2018. Để đạt được thành công này là do sự điều hành quyết liệt, năng động của Ban điều hành đã đưa ra những nghị quyết hợp lý cùng với sự cố gắng đồng lòng của toàn cán bộ công nhân viên trong công ty. Qua đó khẳng định Công ty đã giữ vững vị thế trên thị trường, có chính sách bán hàng

theo từng vùng miền, đối tượng khách hàng, ổn định tài chính; đồng thời phát triển sản phẩm mới phù hợp nhu cầu thị trường.

- Năm 2019 là năm thứ hai liên tiếp Công ty lọt Top 500 Doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất.

- Công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, môi trường, thực hiện Pháp luật của Công ty nghiêm túc, đúng quy định.

- Hệ thống quản lý chất lượng – môi trường thực hiện đúng tiêu chuẩn phiên bản năm 2015.

- Các hoạt động văn hóa thể thao được duy trì và phát triển được người lao động tham gia tích cực, tạo sự gắn kết mọi người, nâng cao thể chất và gắn bó với Công ty.

3. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

a. Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	2019	2018	Chênh lệch năm 2019 so với 2018	
			Số tiền	%
A. Tài sản ngắn hạn	449,690,501,744	315,702,284,767	133,988,216,977	42.44%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	40,039,496,388	8,083,603,176	31,955,893,212	395.32%
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	76,350,000,000	-	76,350,000,000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	181,028,762,258	166,497,953,834	14,530,808,424	8.73%
IV. Hàng tồn kho	145,200,891,537	137,300,710,440	7,900,181,097	5.75%
V. Tài sản ngắn hạn khác	7,071,351,561	3,820,017,317	3,251,334,244	85.11%
B. Tài sản dài hạn	311,368,723,562	305,114,638,012	6,254,085,550	2.05%
I. Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-	-
II. Tài sản cố định	126,480,000,722	118,570,471,304	7,909,529,418	6.67%
III. TS dở dang dài hạn	256,000,000	2,544,334,976	(2,288,334,976)	-89.94%
IV. Bất động sản đầu tư	-	-	-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	183,878,470,410	182,891,840,313	986,630,097	0.54%
VI. Tài sản dài hạn khác	754,252,430	1,107,991,419	(353,738,989)	-31.93%
Tổng cộng tài sản	761,059,225,306	620,816,922,779	140,242,302,527	22.59%

Tổng tài sản năm 2019 tăng hơn 140 tỷ đồng tương đương 22.59% so với năm 2018, chủ yếu đến từ sự tăng trong tài sản ngắn hạn khi đã tăng gần 134 tỷ đồng tương đương mức tăng 42.44% so với năm 2018. Trong khi đó tài sản dài hạn chỉ tăng nhẹ 2.05% tương đương 6.25 tỷ đồng

• Tài sản ngắn hạn:

- Trong tài sản ngắn hạn mức tăng cao nhất đến từ tiền và các khoản tương đương tiền, tăng gần 400% từ mức chỉ hơn 8 tỷ đồng năm 2018 lên đến hơn 40 tỷ đồng năm 2019. Do trong năm sản xuất kinh doanh thuận lợi nên công ty đã tăng mạnh cả tiền mặt nắm giữ lẫn tiền gửi ngân hàng mục đích chủ yếu là sẽ thanh toán trong việc sản xuất kinh doanh năm 2020.

- Khác với năm 2018, trong năm 2019 công ty cũng đã đầu tư vào tài chính ngắn hạn với giá trị 76.35 tỷ đồng

- Các khoản phải thu ngắn hạn trong năm cũng tăng

nhẹ 8.73% tương đương 14.5 tỷ đồng so với năm trước. Hàng tồn kho tăng nhẹ 5.75% tương đương 7.9 tỷ đồng chủ yếu từ nguyên vật liệu phục vụ việc sản xuất kinh doanh của công ty. Đồng thời tài sản ngắn hạn khác cũng tăng 85.11% so với năm 2018.

• Tài sản dài hạn:

- Tài sản cố định tăng nhẹ 6.67% tương đương 7.9 tỷ đồng phục vụ cho đầu tư sửa chữa, mua mới máy móc trang thiết bị, nhà xưởng...

- Tài sản dở dang dài hạn giảm mạnh gần 90% tương đương gần 2.3 tỷ đồng do trong năm 2019 chỉ có chi phí xây dựng nhà nghỉ cho cán bộ công nhân viên và mua phần mềm quản trị doanh nghiệp giảm hơn rất nhiều so với năm 2018 khi công ty đầu tư cho hệ thống cơ sở hạ tầng.

- Đầu tư tài chính dài hạn chỉ tăng nhẹ 0.54% tương đương 986 triệu đồng. Đồng thời, chi phí trả trước dài hạn cũng làm cho tài sản dài hạn khác giảm 31.93%



Cơ cấu tài sản qua các năm:



b. Tình hình nguồn vốn trong năm:

Nguồn vốn năm 2019 của Công ty tăng 22.6% so với năm trước và đều có sự tăng trưởng trong cả nợ phải trả và vốn chủ sở hữu lần lượt với các mức tăng 25.3% và 19.7%

Nguồn vốn (Tỷ đồng)	2018	2019	Tăng 2019 so với 2018
Nợ phải trả	317.6	398	25.3%
Vốn chủ sở hữu	303.2	363	19.7%
Tổng nguồn vốn	620.8	761	22.6%



Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	Chênh lệch	
			Số tiền	%
I. Nợ ngắn hạn	386,622,813,954	295,236,866,787	91,385,947,167	30.95%
1. Phải trả cho người bán	77,211,131,442	81,771,085,737	(4,559,954,295)	-5.58%
2. Người mua trả tiền trước	682,610,890	687,926,906	(5,316,016)	-0.77%
3. Thuế và các khoản phải nộp NN	2,319,826,261	1,455,290,108	864,536,153	59.41%
4. Phải trả người lao động	4,826,762,389	3,188,799,201	1,637,963,188	51.37%
5. Chi phí phải trả	3,294,603,266	4,344,008,247	(1,049,404,981)	-24.16%
6. Phải trả ngắn hạn khác	15,130,630,490	15,078,470,242	52,160,248	0.35%
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	293,097,458,736	196,837,527,523	96,259,931,213	48.90%
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(9,940,209,520)	(8,126,241,177)	(1,813,968,343)	22.32%
II. Nợ dài hạn	11,406,769,752	22,390,672,724	(10,983,902,972)	-49.06%

Trong năm 2019 Công ty đã tăng nợ ngắn hạn gần 31% và giảm nợ dài hạn gần 50% và trong đó thuế và các khoản phải nộp nhà nước tăng cao nhất với gần 60% tương ứng 864.5 triệu đồng. Chi phí phải trả trong năm giảm 24.16% tương ứng hơn 1 tỷ đồng so với năm trước. Nguyên nhân là do giảm chi phí sử dụng bản quyền phải trả CMP, giảm chi phí lãi vay, giảm chi phí vật tư và một số chi phí khác. Do nhu cầu cần bổ sung vốn lưu động để mở rộng sản xuất kinh doanh nên trong năm công ty đã tăng vay tài chính ngắn hạn gần 50% so với năm 2018 tương đương 96.26 tỷ đồng so với năm 2018 từ các ngân hàng và các tổ chức, trong đó vay nhiều nhất từ ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Ngô Quyền với giá trị hơn 126 tỷ đồng.

Tình hình vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty đang có xu hướng tăng khi trong năm 2019 tăng 19.7% tương ứng 59.8 tỷ đồng. Nguyên nhân tăng chủ yếu đến từ quỹ đầu tư phát triển (8.9%) và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (65%) do tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty năm nay tương đối tốt. Trong năm 2020 công ty hy vọng sẽ giữ được đà tăng trưởng này để dần làm chủ nguồn vốn, giảm vay nợ từ đó tránh được một phần chi phí lãi vay.





4. NHỮNG ĐỔI MỚI, CẢI TIẾN

a. Cải tiến trong lao động

- Công ty đã tích cực sắp xếp lao động, tinh giảm bộ máy gọn nhẹ đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh.
- Tăng cường công tác đào tạo: đào tạo quy trình công nghệ đối với sản phẩm thiết bị mới, chứng chỉ giám sát quốc tế NACE, hệ thống quản lý chất lượng môi trường phiên bản năm 2015, an toàn vệ sinh lao động và phòng cháy chữa cháy. Công tác đào tạo góp phần nâng cao trình độ lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm của công ty.
- Sử dụng lao động tiết kiệm, nâng cao năng suất lao động nên sản lượng trong năm tăng 28.26% đồng thời lao động sử dụng bình quân năm 2019 tăng 1% so với năm 2018, thu nhập của người lao động tăng 23.7% so với năm trước



b. Cải tiến trong chính sách

- Công ty liên tục có những chính sách nhằm phục vụ lợi ích tốt nhất cho người lao động, chế độ lương thưởng ngày lễ, Tết, du lịch vui chơi... luôn làm hài lòng cán bộ công nhân viên.
- Chính sách giải quyết chế độ, chấm dứt hợp đồng thực hiện tốt.
- Công ty cũng có những chính sách bán hàng ưu đãi, chiết khấu cho khách hàng thân quen, khách hàng lớn nhằm tạo uy tín trên thị trường và giữ chân khách hàng.
- Chính sách tuyển dụng đào tạo của Công ty đạt hiệu quả cao, mỗi năm đều đào tạo ra nhiều nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ công ty



5. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Theo nhận định tình hình thị trường năm 2020 còn rất nhiều khó khăn: ngành đóng tàu, vận tải biển chưa thể phục hồi, giá dầu mỏ tăng, giá điện tăng, giá nguyên liệu và dung môi còn biến động tăng cao, chi phí sản xuất sẽ khó giảm nên việc cạnh tranh trên thị trường ngày càng gay gắt hơn. Hơn nữa thế giới đang phải đối mặt với đại dịch Covid – 19 toàn cầu làm kinh tế thế giới bị đình trệ, nhiều doanh nghiệp đứng trên bờ vực phá sản ảnh hưởng trực tiếp đến nền kinh tế Việt Nam. Căn cứ tình hình thị trường, điều kiện của Công ty và chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban điều hành đề xuất kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 như sau

a. Mục tiêu

- Giữ vững thương hiệu Sơn Hải Phòng nổi tiếng trong nước và vươn tầm thế giới
- Công ty tiếp tục là Doanh nghiệp khoa học Công nghệ với tỷ lệ sản phẩm khoa học công nghệ đạt trên 70% tổng doanh thu của Công ty.
- Đảm bảo tỷ lệ cổ tức cho cổ đông và thu nhập cho người lao động



b. Dự kiến kế hoạch kinh doanh năm 2020

DOANH THU THUẦN

700 TỶ ĐỒNG

TỔNG SẢN LƯỢNG

11000 TẤN

LỢI NHUẬN SAU THUẾ

80 TỶ ĐỒNG

Giải pháp để thực hiện được chỉ tiêu đề ra năm 2020:

Đối với mảng kinh doanh sơn

Về sơn tàu biển và công nghiệp:

- Duy trì các công ty đóng tàu, vận tải biển lớn: Công ty VOSCO, Tân Bình, HTK, Cảnh sát biển, Hải quân, Cục kiểm ngư,... chuẩn bị cho thời điểm ngành tàu biển sôi động trở lại.
- Tiếp tục chăm sóc khách hàng, đơn vị tàu biển tư nhân ở các tỉnh thành.
- Tiếp cận các đơn vị sản xuất thép tiền chế, các dự án cầu đường, thủy điện, toa xe,... nâng cao doanh thu sơn công nghiệp, sơn chống cháy; dự kiến doanh thu về Sơn trong năm 2020 tăng 35 – 40% so với 2019.
- Tiếp tục các chiến dịch quảng cáo sản phẩm trên các phương tiện truyền thông để sản phẩm của Sơn Hải Phòng ngày càng phổ biến hơn nữa





Về Đại lý:

- Củng cố vững chắc các đại lý đang có và cùng họ đưa ra các mục tiêu phấn đấu tăng doanh số năm 2020. Rà soát lại thị trường Hải Phòng để mở các đại lý ở các huyện chưa có hoặc hệ thống phân phối còn yếu: Tiên Lãng, Vĩnh Bảo, Kiến Thụy, Đồ Sơn.
- Phát triển thị trường sơn dân dụng tại Thái Bình, Hải Dương, Hà Nam, Hà Nội, Bắc Giang, Bắc Ninh, Hòa Bình, Thanh Hóa, Quảng Ninh. Lấy các sản phẩm sơn trên bề mặt thép mạ kẽm và Sơn Economy làm chủ đạo. Củng cố thị trường sơn tàu cá và sơn màu Miền Trung
- Số đại lý mở thêm từ 20 – 25, doanh thu đại lý tăng 15 – 20% so với 2019.



Đối với sản xuất kinh doanh nhựa

- Phát triển thêm khách hàng mới, doanh thu nhựa đạt từ ... tỷ đồng/năm.
- Ổn định và nâng cao chất lượng nhựa.
- Cung cấp các sản phẩm nhựa mới: short oil cho sơn lót và sơn phủ cao cấp ra thị trường
- Đầu tư thêm nôi phản ứng Pilot.

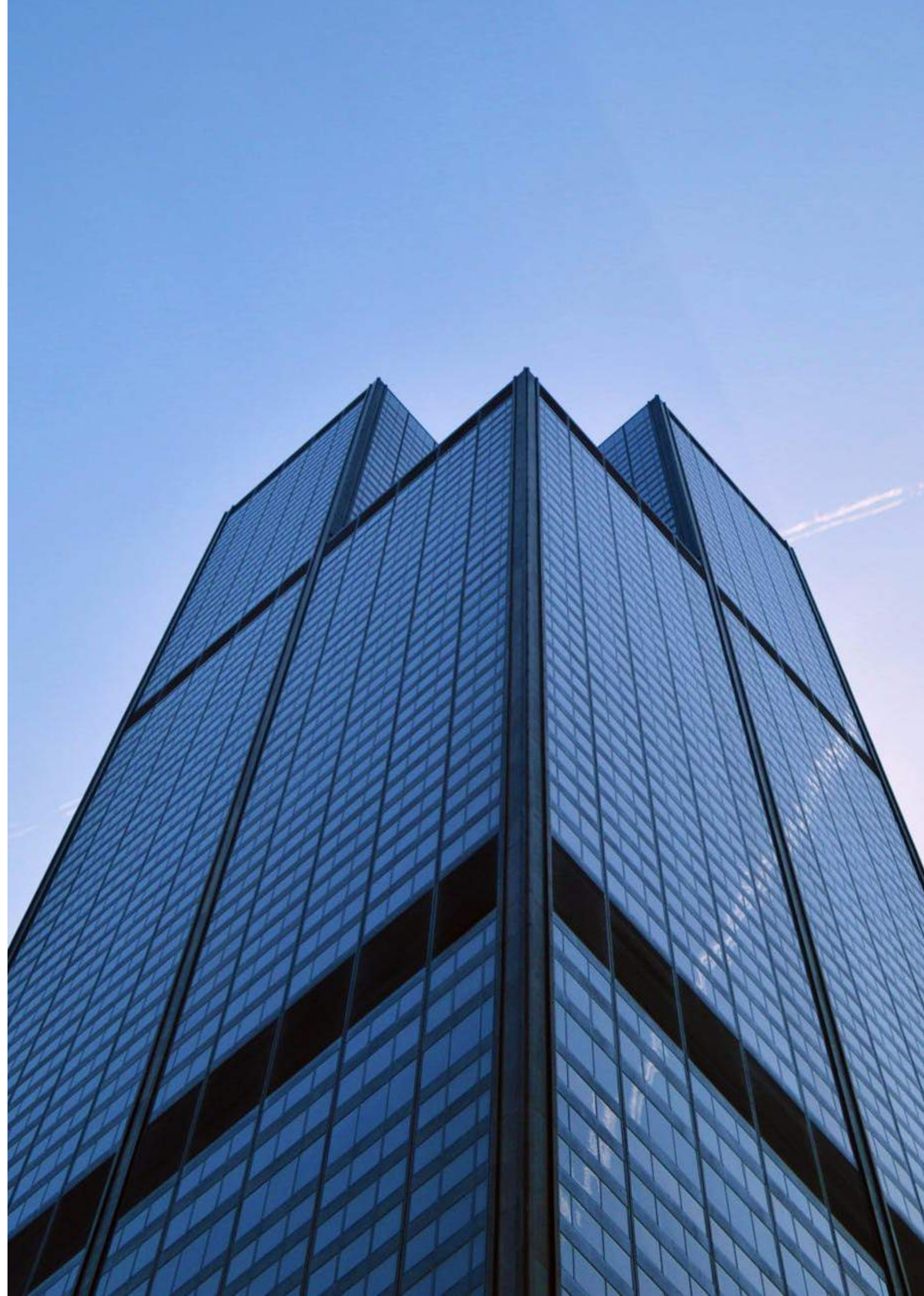
Đầu tư năm 2020 :

Tổng đầu tư dự kiến 11 tỷ đồng, gồm các khoản mục sau:

- Đầu tư máy móc thiết bị cho sản xuất sơn, nhựa Alkyd với thiết bị hiện đại, tiết kiệm sản xuất.
- Đầu tư thêm thiết bị cho Trung tâm kỹ thuật nâng cao năng lực nghiên cứu và kiểm soát sản xuất.
- Đầu tư cho liên doanh liên kết.

Nhân sự, đào tạo

- Đào tạo công nhân về quy trình sản xuất, sử dụng thiết bị, nâng cao tay nghề; đặc biệt chú trọng đào tạo về sản phẩm mới.
- Tuyển dụng nhân sự có kinh nghiệm, năng lực cho phát triển thị trường, bán hàng và Trung tâm kỹ thuật. Bổ sung lao động đối với phân xưởng sơn.
- Nâng cao thu nhập, bảo đảm việc làm, thực hiện tốt các chế độ chính sách đối với người lao động, xây dựng văn hóa công ty tạo niềm tin và gắn bó của người lao động.



05 BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc
3. Phương hướng hoạt động của HĐQT năm 2020



1. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2019

a. Đánh giá tổng quan

Trong năm 2019, mặc dù tình hình thị trường có nhiều khó khăn thách thức, biến động; nhưng Công ty cổ phần Sơn Hải Phòng đã đạt được những thành công lớn: mở rộng thị phần, tăng sản lượng, doanh thu vượt kế hoạch; đảm bảo lợi nhuận và cổ tức cho cổ đông, thu nhập người lao động được nâng cao. Hội đồng Quản trị đánh giá cao công tác điều hành của Ban Tổng Giám Đốc, cùng với sự đoàn kết, quyết tâm và tính năng động, sáng tạo của tất cả Cán bộ nhân viên Công ty, đặc biệt là sự ủng hộ của Quý cổ đông và sự tin tưởng gắn bó của Quý khách hàng, Sơn Hải Phòng đã hoàn thành tốt các mục tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông giao phó.

Kết quả thực hiện các định hướng chiến lược đề ra, Công ty đã thực hiện tốt:

- Giữ vững thương hiệu Sơn Hải Phòng nổi tiếng trong nước và vươn tầm thế giới.
- Công ty tiếp tục là Doanh nghiệp khoa học công nghệ với tỷ lệ sản phẩm khoa học công nghệ đạt trên 70% tổng doanh thu công ty.
- Đảm bảo lợi ích của cổ đông và thu nhập cho người lao động.

Hoạt động xây dựng chiến lược, kế hoạch kinh doanh:

- Phê duyệt Kế hoạch kinh doanh các quý năm 2019
- Thúc đẩy việc triển khai các chương trình xây dựng năng lực cạnh tranh dài hạn
- Tổ chức đánh giá các đề án khả thi, dự án đầu tư của công ty.

c. Đánh giá các mặt hoạt động khác của Công ty

- Năm 2019 là một năm đầu tư khởi sắc của Công ty khi các công ty con, công ty liên kết, dự án đầu tư...đều mang đến lợi nhuận cho Sơn Hải Phòng, đóng góp một phần nhỏ vào lợi nhuận tổng của Công ty.
- Quản trị nhân sự trong năm 2019 của Công ty diễn ra thuận lợi, tuân thủ đúng quy định pháp luật hiện hành.
- Trong vấn đề về trách nhiệm với cộng đồng, Công ty cũng đã xây dựng và vận hành tốt các hệ thống xử lý thân thiện với môi trường theo tiêu chuẩn quốc tế nhằm bảo vệ môi trường xanh sạch đẹp.
- Trong những ngày lễ lớn như Tết cổ truyền, ngày thương binh liệt sỹ...công ty luôn có những phần quà cho những người hoàn cảnh khó khăn, các mẹ Việt Nam anh hùng...trên địa bàn Thành phố Hải Phòng.

b. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2019	Thực hiện		Tăng trưởng (%)	
		2019	2018	So với kế hoạch	So với 2018
Sản lượng (Tấn)	9000	9925	7738	10.27%	28.26%
Doanh thu thuần (Tỷ đồng)	545	795.84	575.8	46.02%	38.21%
Lợi nhuận sau thuế (Tỷ đồng)	60	87.14	56.9	45.23%	53.14%

Năm 2019 là một năm tương đối khó khăn đối với các Công ty sơn trong cả nước, hầu hết các hãng sơn đều bị ảnh hưởng nghiêm trọng: sụt giảm sản lượng, doanh thu và lợi nhuận. Nhưng đối với Sơn Hải Phòng thì năm 2019 vẫn là một năm kinh doanh khả quan của Công ty khi mà sản lượng, doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế đều vượt kế hoạch chỉ tiêu và vượt cả năm 2018 trong đó lợi nhuận sau thuế vượt cao nhất khi vượt 45.23% so với kế hoạch và 53.14% so với năm 2018. Để đạt được thành công này là do sự điều hành quyết liệt, năng động của Ban điều hành, sự đồng lòng của cán bộ công nhân viên trong công ty. Qua đó khẳng định Công ty đã giữ vững vị thế trên thị trường, có chính sách bán hàng theo từng vùng miền, đối tượng khách hàng, ổn định tài chính; đồng thời phát triển sản phẩm mới phù hợp nhu cầu thị trường.





2. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

a. Hoạt động quản trị thường kỳ

- Hội đồng Quản trị họp thường kỳ hàng quý để nghe báo cáo về kết quả hoạt động của công ty, phân tích đánh giá những mặt được và chưa được, đề ra phương án hành động cho quý tiếp theo nhằm ứng phó với những biến động của nền kinh tế.
- Giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu quan trọng trong năm mà Ban điều hành đã cam kết.
- Căn cứ báo cáo của Ban điều hành về thực hiện kết quả kinh doanh và tình hình hoạt động trong các cuộc họp định kỳ hàng quý của Hội đồng quản trị để phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh cho quý tiếp theo;
- Phối hợp với Ban Kiểm soát nắm tình hình hoạt động của Công ty để từ đó có những kiến nghị thiết thực giúp Ban điều hành hoàn thành tốt nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao.

b. Hoạt động xây dựng chiến lược, kế hoạch kinh doanh

- Phê duyệt Kế hoạch kinh doanh các quý năm 2019
- Thúc đẩy việc triển khai các chương trình xây dựng năng lực cạnh tranh dài hạn
- Tổ chức đánh giá các đề án khả thi, dự án đầu tư của Công ty

c. Đánh giá chung

- Năm 2019, Ban điều hành công ty đã rất nỗ lực trong việc thực hiện các mục tiêu kinh doanh của Công ty, kết quả: Doanh thu thuần tăng 46.02% so với kế hoạch, đảm bảo chi trả cổ tức đúng Nghị quyết, thu nhập đời sống người lao động nâng cao.
- Hội đồng quản trị đánh giá cao những kết quả của Ban điều hành trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông và định hướng chiến lược của Công ty.
- Trong quá trình hoạt động, Ban điều hành đã tuân thủ theo các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

3. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2020

- Xây dựng thương hiệu Sơn Hải Phòng nổi tiếng trong nước và vươn tầm quốc tế, xây dựng Công ty vững mạnh, hiệu quả hơn trên cơ sở sử dụng hợp lý các nguồn lực; nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp
- Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua
- Thực hiện chi trả cổ tức đúng quy định
- Đảm bảo giám sát hoạt động của Ban điều hành nhằm mục tiêu hoàn thành mục tiêu hoàn thành đạt và vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020.





06 QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. Ban kiểm soát
3. Thù lao, giao dịch của HĐQT, BKS và BGD
4. Tăng cường quản trị công ty
5. Quản trị rủi ro



1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

a. Danh sách thành viên HĐQT

STT	Họ tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu (%) tính đến 31/12/2019
1	Nguyễn Văn Viện	Chủ tịch HĐQT	615,142	7.68
2	Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc	310,537	3.88
3	Bùi Kim Ngọc	Thành viên HĐQT – Kế toán trưởng	236,483	2.95
4	Vũ Trung Dũng	Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc	41,909	0.52
5	Nguyễn Mộng Lân	Thành viên HĐQT	126,219	1.58

b. Đánh giá hoạt động của HĐQT

STT	Họ tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Nguyễn Văn Viện	Chủ tịch HĐQT	6	100%
2	Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc	6	100%
3	Bùi Kim Ngọc	Thành viên HĐQT – Kế toán trưởng	6	100%
4	Vũ Trung Dũng	Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc	6	100%
5	Nguyễn Mộng Lân	Thành viên HĐQT	6	100%

Năm 2019 vừa qua, HĐQT đã luôn bám sát thực hiện đúng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông các vấn đề đã được thông qua; cùng với đó phối hợp cùng Ban Tổng Giám Đốc để thúc đẩy sản xuất kinh doanh hiệu quả hơn, đạt được những mục tiêu đã đề ra. Trong năm 2019, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức 06 cuộc họp trực tiếp với tỷ lệ tham dự 100% thành viên.

Các cuộc họp đều đã được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp.

Biên bản các cuộc họp HĐQT được lập đảm bảo đúng hình thức theo quy định của pháp luật; hồ sơ, tài liệu đã được gửi đầy đủ đến các thành viên tham dự họp để tham khảo, nghiên cứu theo đúng quy định của Điều lệ.

Trong năm 2019, Hội đồng Quản trị thực hiện một cách cẩn trọng, nghiêm túc các công tác quản trị doanh ng-

hiệp, phát triển thương hiệu, quan hệ nhà đầu tư, chiến lược kinh doanh ... theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

- Hội đồng Quản trị duy trì họp định kỳ mỗi quý ít nhất một lần theo quy định tại Điều lệ Công ty để xem xét quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị với sự tham gia của Ban Tổng Giám Đốc.

- Hội đồng Quản trị đã phân công nhiệm vụ cụ thể đến các thành viên, tăng cường vai trò tham mưu của các Cán bộ quản lý. Các Thành viên Hội đồng Quản trị cũng đã có nhiều cố gắng hoàn thành chức trách của mình hành động vì lợi ích của cổ đông trong mối quan hệ hài hòa với lợi ích của Công ty và Người lao động.

Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị ban hành trong năm 2019:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	Số : 01/NQ - HĐQT	18/02/2019	Nghị quyết về Quyết định tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần Sơn Hải Phòng .
2	Số : 16/NQ - ĐHĐCĐ	24/04/2019	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
3	Số : 02/NQ - HĐQT	02/05/2019	Nghị quyết thông qua việc Bầu Chủ tịch, Phó chủ tịch HĐQT, Bổ nhiệm Ban điều hành nhiệm kỳ 2019 - 2024
4	Số : 01/QĐ - HĐQT	02/05/2019	Về việc bổ nhiệm lại Ban điều hành Công ty nhiệm kỳ 2019 - 2024
5	Số : 03/NQ - HĐQT	16/10/2019	Nghị quyết về tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2019



2. BAN KIỂM SOÁT

a. Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Bà Lã Quỳnh Chi	Trưởng BKS	10,838	0.14
2	Bà Hoàng Thị Thu	Thành viên BKS	19,543	0.24
3	Bà Nguyễn Thị Thanh Trâm	Thành viên BKS	40,444	0.5

b. Các hoạt động của BKS

Trong năm 2019, Ban Kiểm soát đã tiến hành các hoạt động sau:

- Tham gia các buổi làm việc của Hội đồng quản trị về kế hoạch hoạt động của Công ty.
- Xem xét các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh do Ban điều hành và Phòng Tài chính kế toán chuẩn bị.

c. Kết quả hoạt động giám sát của BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban TGD và cổ đông.

Kiểm soát công tác quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh sản xuất của HĐQT và Ban điều hành đã tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ công ty, Nghị quyết HĐQT. Đảm bảo kế hoạch sản xuất kinh doanh được triển khai theo đúng mục tiêu chiến lược kế hoạch đã đưa ra trong các kỳ Đại hội và các cuộc họp của HĐQT.

Các vấn đề mang tính chiến lược hoặc vấn đề lớn của Công ty đều được HĐQT thông qua các cuộc họp HĐQT và nhận được sự thống nhất rất cao từ các thành viên HĐQT.

Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Kiểm soát Báo cáo tài chính: Giám sát Ban điều hành trong việc thực hiện công tác tài chính; kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính quý, 6 tháng, năm đảm bảo tính trung thực và chính xác trong việc ghi chép, cập nhật chứng từ, sổ sách kế toán; thẩm định báo cáo tài chính trên cơ sở Báo cáo kiểm toán độc lập trình Đại hội cổ đông thường niên.

Giám sát việc thực thi công bố thông tin của Công ty theo các quy định của Luật chứng khoán, xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

Thực hiện nhiệm vụ giám sát, Ban kiểm soát đã tham

dự các cuộc họp HĐQT, kiểm tra các văn bản nội bộ của HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc ban hành trong quá trình quản trị Công ty nhằm đảm bảo việc xây dựng các định hướng và chủ trương điều hành Công ty tuân thủ pháp luật và phù hợp với chủ trương của Đại hội cổ đông. Trong các cuộc họp, Ban kiểm soát tham gia ý kiến đóng góp với những nội dung về công tác sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư và một số công tác khác của Công ty. Đối với cổ đông Ban kiểm soát không nhận được một khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Công ty, về điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

Kiến nghị của BKS

Để Công ty CP Sơn Hải Phòng hoàn thành các chỉ tiêu năm 2020 được Đại hội đồng cổ đông thường niên biểu quyết thông qua, đồng thời tăng cường tính công khai, minh bạch, Ban kiểm soát đưa ra một số kiến nghị, giải pháp cụ thể như sau:

- Tiếp tục nâng cao vai trò của Hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm đảm bảo sự tuân thủ các quy định, giảm thiểu sai sót, nguy cơ rủi ro tiềm ẩn trong sản xuất kinh doanh;
- Tăng cường công tác quản lý và điều hành, khai thác hiệu quả các dự án đầu tư, nâng cao năng suất lao động.
- Trong công tác điều hành, Ban Tổng Giám Đốc cần có biện pháp để nâng cao khả năng thanh toán cho Công ty, quản lý tốt lượng tiền mặt và tài sản ngắn hạn sao

cho vừa đảm bảo tỷ lệ thanh khoản hợp lý, vừa không gây lãng phí cho công ty.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo, huấn luyện và phát triển nguồn nhân lực, xây dựng chính sách cán bộ và luân chuyển cán bộ hợp lý, phù hợp với hiện tại và yêu cầu phát triển của Công ty.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Ban kiểm soát theo đúng quy định trên nguyên tắc

phòng ngừa, hạn chế sai sót trong mọi hoạt động nhất là hoạt động tài chính.

- Thường xuyên phối hợp giữa chính quyền và các tổ chức đoàn thể, công đoàn chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng và công tác xã hội.

Phương hướng hoạt động của BKS đối với 2020

Trong năm 2020, Ban kiểm soát tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

- Thực hiện thẩm định các báo cáo tài chính, hoạt động kinh doanh, triển khai các dự án đầu tư của

Công ty. Đánh giá hoạt động của HĐQT, Ban TGD để trình Đại hội đồng cổ đông.

- Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Ban TGD nếu xét thấy cần thiết hoặc theo đề nghị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định trong Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

d. Tổng kết các cuộc họp của BKS và các quyết định của BKS

Trong năm qua các thành viên Ban Kiểm soát luôn có sự trao đổi ý kiến thường xuyên về các hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo Ban Kiểm soát hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình. Trong năm 2019 Ban kiểm soát đã có những đánh giá với các quyết định của Hội đồng quản trị như sau:

- Ban kiểm soát đồng ý với chính sách tài chính, đầu tư phát triển, điều hành của Ban điều hành.
- Các vấn đề, quyết định quan trọng của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành không gây thiệt hại cho các cổ đông.

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Bà Lã Quỳnh Chi	Trưởng BKS	04	100%
2	Bà Hoàng Thị Thu	Thành viên BKS	04	100%
3	Bà Nguyễn Thị Thanh Trâm	Thành viên BKS	04	100%

e. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty

Đến hết năm 2019, Ban Kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động của Công ty. Hệ thống kiểm soát tài chính và chế độ giao ban vận hành tốt, phát hiện kịp thời các vấn đề, đề xuất các kiến nghị và giải pháp phù hợp. Ban Kiểm soát đồng ý với các đánh giá về hoạt động và tài chính trong các báo cáo của kiểm toán. Năm vừa qua trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều khó khăn, thách thức, giá cả nguyên vật liệu tăng cao, thời tiết không thuận lợi: mưa bão rất nhiều, sức mua giảm. Tuy nhiên công ty đã sử dụng vòng quay vốn có hiệu quả, tiết kiệm tối đa các chi phí trong SXKD ... đem lại lợi nhuận tốt và bảo toàn vốn cho Công ty.

f. Kết quả giám sát đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban điều hành, tình hình thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2019

Trong năm 2019 Ban Kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động của các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban điều hành. Các nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2019 được thực hiện đúng theo pháp luật và điều lệ công ty.



3. THÙ LAO, GIAO DỊCH CỦA HĐQT, BKS VÀ BGD

a. Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

STT	Chức danh	Mức thù lao	
		2019 (đồng/người/tháng)	2020 (đồng/người/tháng)
1	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	6,000,000	6,000,000
2	Thành viên Hội đồng quản trị	4,000,000	4,000,000
3	Trưởng Ban kiểm soát	4,000,000	4,000,000
4	Thành viên Ban kiểm soát và Thư ký	3,000,000	3,000,000

b. Giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ và Người liên quan đến Người nội bộ

Tên người nội bộ/ người liên quan	Chức vụ		Hình thức	Số lượng	Ngày	Số CP trước giao dịch	Số CP sau Giao dịch	Tỷ lệ sau giao dịch
	Quan hệ	Chức vụ						
Ông Nguyễn Văn Dũng		Phó chủ tịch HĐQT – Tổng Giám Đốc	Mua	10,000	13/11/2019	300,537	310,537	3.88%
Bà Bùi Kim Ngọc	Người nội bộ	Thành viên HĐQT – Kế toán trưởng	Mua	13,245	09/01/2019	132,100	145,345	1.82%
Bà Bùi Kim Ngọc	Người nội bộ	Thành viên HĐQT – Kế toán trưởng	Mua	7,138	20/06/2019	145,345	152,483	1.9%
Bà Bùi Kim Ngọc	Người nội bộ	Thành viên HĐQT – Kế toán trưởng	Mua	84,000	30/10/2019	152,483	236,483	2.95%
Bà Lưu Thị Phương Lan	Người liên quan (Vợ Ông Nguyễn Văn Dũng)		Mua	317,243	30/10/2019	146,061	463,304	5.79%

4. TĂNG CƯỜNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

Đào tạo về quản trị công ty

Vấn đề quản trị Công ty được HĐQT, ban Tổng Giám Đốc hết sức quan tâm, tạo điều kiện cho các thành viên trong ban điều hành được tham gia các chương trình đào tạo nhằm nâng cao chất lượng quản trị Công ty.

Đào tạo hệ thống quản lý

Hệ thống quản lý giúp cho đội ngũ quản lý nắm một cách hệ thống hơn đồng thời giúp cho các vị trí nhân sự mới của công ty tiếp cận nắm bắt hệ thống quản lý của công ty. Ban lãnh đạo Sơn Hải Phòng đã tiếp cận nắm bắt, hiểu rõ về hệ thống; vận hành các công cụ quản lý một cách thuần thục; chủ động đưa ra các hoạt động cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả

hoạt động của hệ thống. Sơn Hải Phòng đang ngày càng chuẩn hóa lại mô hình quản trị công ty và hệ thống quản lý, bao gồm nguyên tắc quản trị doanh nghiệp và cơ cấu tổ chức,

thiết kế hệ thống tiêu chí phục vụ đánh giá kết quả công việc, đánh giá năng lực cho cán bộ nhân viên Công ty.

Tăng cường hiệu quả quản trị Công ty

Công ty ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả quản trị công ty. Hệ thống ERP tổng thể, hỗ trợ ban điều hành có thông tin kịp thời nhất góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh. Hệ thống ERP đang ứng dụng:

- Quản trị tài chính kế toán
- Quản trị nhân sự
- Quản trị quan hệ khách hàng
- Quản trị sản xuất và kho hàng

ISO 9001-2015 là phiên bản thứ năm của tiêu chuẩn ISO 9001, trong đó phiên bản đầu tiên được ban hành vào năm 1987 và đã trở thành chuẩn mực toàn cầu đảm bảo khả năng thỏa mãn các yêu cầu về chất lượng và nâng cao sự thỏa mãn của khách hàng trong các mối quan hệ nhà cung cấp - khách hàng. Điểm cải tiến của ISO 9001:2015 so với các phiên bản cũ là việc tiếp cận tư duy dựa trên rủi ro (giúp tổ chức xác định các yếu tố có thể là nguyên nhân làm các quá trình và hệ thống quản lý của tổ chức chệch khỏi kết quả được hoạch định, đưa ra các kiểm soát phòng ngừa nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực và tận dụng tối đa cơ hội khi nó xuất hiện) từ đó nâng cao lợi nhuận/hiệu quả cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Lợi ích của tổ chức khi áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015

- Khả năng cung cấp một cách ổn định các sản phẩm và dịch vụ đáp ứng yêu cầu của khách hàng, yêu cầu luật định và chế định hiện hành;

- Tạo thuận lợi cho các cơ hội nâng cao sự thỏa mãn của khách hàng;
- Giải quyết rủi ro và cơ hội liên quan đến bối cảnh và mục tiêu của tổ chức;

Tuân thủ quy định về quản trị công ty

Năm 2019, Công ty tiếp tục tuân thủ tốt các quy định hiện hành về quản trị công ty đối với công ty niêm yết. Bao gồm:

- Công bố thông tin: Năm 2019, Công ty thực hiện tương đối tốt các quy định về công bố thông tin, đảm bảo công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời tới UBCK Nhà nước, Sở GDCK Hà Nội theo đúng quy định pháp luật đồng thời cũng công bố trên website Công ty. Cũng trong năm 2019, Công ty hướng tới nâng cao chất lượng Báo cáo thường niên cả về mặt nội dung cũng như hình thức báo cáo nhằm truyền tải tốt hơn thông tin đến các cổ đông cũng như cộng đồng nhà đầu tư.

- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 được tổ chức thực hiện đúng trình tự, thủ tục.

Kế hoạch cải tiến

Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và ý thức về sự tuân thủ cho đội ngũ công nhân viên đặc biệt là các nhân viên mới.



- Khả năng chứng tỏ sự phù hợp với các yêu cầu quy định của hệ thống quản lý chất lượng.
- Áp dụng ISO 9001 tạo tiền đề cho việc áp dụng thành công những hệ thống quản lý tiên tiến khác như hệ thống ERP (Enterprise Resource Planning - Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp) và CRM (Customer Relationship Management - Quản lý quan hệ với khách hàng).
- Tiêu chuẩn này cung cấp một khung chuẩn cho các tổ chức nhằm chứng minh những cam kết của mình về các vấn đề môi trường.
- Cung cấp các bằng chứng về việc cải tiến liên tục trong quản lý môi trường. Ngày 15/09/2015 Tổ chức tiêu chuẩn hóa Quốc tế (ISO – International Organization for Standardization) đã công bố ban hành tiêu chuẩn ISO 1401:2015, ISO 14001 là một trong những tiêu chuẩn quản lý môi trường phổ biến nhất trên thế giới mới được sửa đổi và ban hành với những cải tiến quan trọng để phù hợp hơn với tương lai
- Sơn Hải Phòng là một trong số ít các doanh nghiệp sơn trong nước có Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn: ISO 9001:2015; Phòng thử nghiệm đạt tiêu chuẩn cấp quốc gia ISO/IEC 17025:2017; Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn: ISO 14001:2015; đều là các tiêu chuẩn hiện hành mới nhất, hướng đến hiện đại hóa trong sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển bền vững, thân thiện với môi trường.



5. QUẢN TRỊ RỦI RO



Rủi ro về kinh tế



Kiểm soát chi phí, tối ưu hóa nguồn lực, đảm bảo cấu trúc vốn an toàn.



Rủi ro về lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái



Thường xuyên đánh giá sự biến động về tài chính, chủ động sử dụng các biện pháp phòng ngừa, đảm bảo cấu trúc vốn tối ưu, giảm thiểu tác động bất lợi trước những biến động thị trường tài chính trong và ngoài nước.



Rủi ro về pháp luật



Thường xuyên nghiên cứu, cập nhật các văn bản pháp lý liên quan hoạt động của Doanh nghiệp, những thay đổi về chính sách pháp luật và kịp thời áp dụng.



Rủi ro nguyên liệu



Công ty luôn chủ động trong việc xác định sớm thời điểm phát sinh nhu cầu nguyên vật liệu để xây dựng dự toán khối lượng phục vụ cho sản xuất chính xác và kiểm soát được giá cả.



Rủi ro đặc thù ngành



Nghiên cứu sản phẩm thân thiện môi trường thay thế sản phẩm truyền thống, sử dụng dung môi nước, nguyên liệu không độc hại cho môi trường phù hợp công ước quốc tế và luật bảo vệ môi trường.

07 **PHÁT TRIỂN
BỀN VỮNG**





MỤC TIÊU CHUNG

Những năm qua, Sơn Hải Phòng đã có những bước phát triển ấn tượng; trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu về sơn tại Việt Nam và đang không ngừng nỗ lực chinh phục thị trường quốc tế. Sơn Hải Phòng luôn xác định nguyên tắc kinh doanh là gắn kết một cách hài hòa giữa mục tiêu kinh doanh với trách nhiệm với cộng đồng, xã hội và môi trường.

Vì vậy, suốt những năm qua, Công ty luôn theo đuổi mục tiêu phát triển bền vững với tâm niệm đưa sản phẩm theo hướng chuyên môn hóa mang thương hiệu và bản sắc văn hóa của Sơn Hải Phòng đến với khách hàng, cùng với bảo vệ môi trường và tạo ra những tác động tích cực đến cộng đồng & xã hội.



HIỆU QUẢ KINH TẾ

Năm 2019, Sơn Hải Phòng đã nỗ lực phát huy mọi nguồn lực, triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm đạt được kế hoạch mà Đại hội cổ đông giao phó. Năm 2019, đứng trước diễn biến thị trường phức tạp; giá nguyên vật liệu đầu vào biến động; cạnh tranh gay gắt; dưới sự điều hành của Ban lãnh đạo và tinh thần cố gắng vượt khó của cán bộ nhân viên; HPP cũng thu được kết quả nhất định trong năm như sau:



TRÁCH NHIỆM VỚI SẢN PHẨM

Đặt chất lượng sản phẩm làm nguyên tắc hàng đầu, Công ty cam kết mỗi sản phẩm của Sơn Hải Phòng đều là kết quả của một chu trình khép kín đáp ứng đầy đủ các yêu cầu, tiêu chuẩn nghiêm ngặt đề ra.

Nghiên cứu sản phẩm an toàn

Chiến lược phát triển sản phẩm của Sơn Hải Phòng từ trước tới nay vẫn luôn hướng đến sự an toàn và lợi ích sức khỏe của khách hàng. Vì thế chúng tôi vô cùng cẩn trọng trong từng giai đoạn: từ lựa chọn nguồn nguyên liệu đầu vào đến thiết kế màu sắc các loại sơn đáp ứng thị hiếu của thị trường nhằm đảm bảo sự an toàn tối đa cho người sử dụng.

Thiết bị, công nghệ hiện đại

Để đảm bảo chất lượng tuyệt vời của sản phẩm, Sơn Hải Phòng không ngừng nghiên cứu, đầu tư cho các thiết bị và công nghệ hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế và tự hào rằng chúng tôi đang sở hữu những dây chuyền sản xuất có chất lượng cao.

Thông tin trung thực, đầy đủ cho khách hàng

Sơn Hải Phòng cam kết cung cấp đầy đủ và trung thực những thông tin về sản phẩm như quy trình sản xuất để giúp khách hàng lựa chọn và sử dụng sản phẩm của Công ty một cách tối ưu và hài lòng.





PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Mục tiêu

Sơn Hải Phòng đã và đang từng ngày hoàn thiện và xây dựng một văn hóa doanh nghiệp mang bản sắc riêng, khởi tạo một nền tảng vững chắc, văn minh, cam kết đảm bảo tất cả các quyền lợi cho người lao động trong công ty.

Điều kiện làm việc an toàn và được chăm sóc sức khỏe

Nhu cầu được làm việc trong điều kiện an toàn và được chăm lo về sức khỏe của người lao động là chính đáng, Sơn Hải Phòng cam kết:

- Trang bị đầy đủ công cụ bảo hộ lao động và những biện pháp để đảm bảo an toàn cho người lao động trong quá trình làm việc.
- Tổ chức các chương trình hướng dẫn và đào tạo an toàn thường niên cho người lao động.
- Xây dựng hệ thống thiết bị phòng cháy chữa cháy tại tất cả các trụ sở, địa điểm hoạt động và đảm bảo 100% người lao động được tập huấn về phòng cháy chữa cháy.
- Thực hiện các chương trình chăm sóc sức khỏe. Ngoài bảo hiểm sức khỏe theo pháp luật, người lao động còn được cung cấp những gói khám sức khỏe toàn diện, bảo hiểm tai nạn.

Phát triển đội ngũ lao động đa dạng, tôn trọng sự khác biệt và không phân biệt đối xử

Công ty hướng một môi trường làm việc văn hoá, văn minh cho tất cả mọi thành viên của công ty. Để làm được điều đó, Công ty luôn đối xử với các nhân viên của mình và khuyến khích tất cả mọi người trong Sơn Hải Phòng đối xử với nhau trên nguyên tắc "tôn trọng, bình đẳng, không phân biệt giới tính, vùng miền, tôn giáo".

Người lao động được đảm bảo tất cả các quyền lợi mà pháp luật quy định

Quan hệ giữa Sơn Hải Phòng và người lao động được xác lập trên cơ sở tự nguyện. Công ty cam kết đảm bảo tất cả các quyền lợi của người lao động thuộc công ty:

- Mọi quyền lợi của người lao động theo Bộ Luật Lao động đều được đảm bảo.
- Sơn Hải Phòng cam kết tuyệt đối không sử dụng lao động trẻ em dưới 18 tuổi và lao động cưỡng bức.
- Thỏa ước lao động tập thể được áp dụng cho toàn bộ nhân viên.
- Công đoàn là tổ chức đại diện và bảo vệ quyền lợi cho người lao động.

Giá trị lao động của nhân viên được ghi nhận và bù đắp thoả đáng

Luôn ghi nhận và trân trọng sự nỗ lực cùng với các giá trị lao động của tất cả các nhân viên trong hành trình lớn mạnh và trong từng thành công của Sơn Hải Phòng, Công ty muốn từng thành viên của công ty nhận được những gì họ xứng đáng. Tại Sơn Hải Phòng còn có các chính sách về tiền lương, thưởng rõ ràng và công bằng để đảm bảo từng thành viên của Công ty sẽ có một mức thu nhập ổn định và xứng đáng với công sức và tâm huyết họ bỏ ra.

Phát triển nhân viên

Sơn Hải Phòng nhận thức rõ tầm quan trọng của việc phát triển nhân viên trong vấn đề xây dựng một môi trường làm việc hiệu quả và tích cực. Vì thế, Công ty dành một phần ngân sách không nhỏ cho các hoạt động đào tạo nhân viên thường niên thông qua các chương trình đào tạo nội bộ và bên ngoài. Chúng tôi mong muốn tạo cơ hội và điều kiện tốt nhất cho nhân viên của mình nâng cao kiến thức, phát triển bản thân đồng thời đóng góp cho sự phát triển công ty và cộng đồng.

Người lao động của các đối tác trong chuỗi cung ứng

Trong quan điểm về người lao động của Sơn Hải Phòng, Công ty không những chỉ quan tâm tới những nhân lực trực thuộc công ty mà còn quan tâm đến lực lượng lao động gián tiếp làm việc trong chuỗi cung ứng của mình. Do đó công ty yêu cầu:

- Phải ký kết hợp đồng lao động với những người lao động sẽ tham gia vào công việc của Sơn Hải Phòng.
- Đóng bảo hiểm xã hội, tổ chức hoạt động công đoàn và các chế độ khác theo quy định của pháp luật cho người lao động.
- Có chế độ bảo hiểm cho người lao động



Tập huấn công tác phòng cháy chữa cháy năm 2019 cho CBCNV

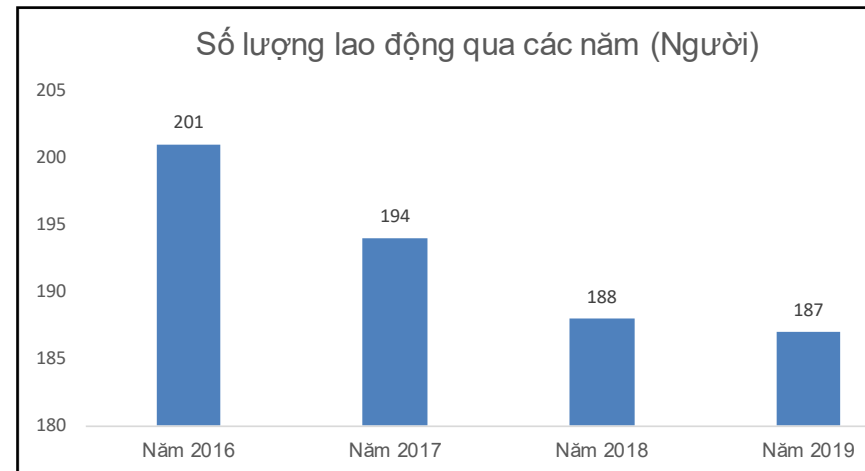


Khen thưởng cho con em CBCNV đạt thành tích học tập tốt năm học 2018 - 2019



Hành động

Số lượng lao động và mức lương trung bình



Mức lương bình quân (VNĐ)

Năm 2016	16,010,000
Năm 2017	15,915,000
Năm 2018	16,120,000
Năm 2019	19,940,000

Hoạt động đào tạo lao động trong năm

- Huấn luyện tuyên truyền nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy (186 người).
- Đào tạo lý thuyết sản xuất sơn, nhựa (44 người).
- Huấn luyện an toàn vệ sinh lao động nhóm 4 (69 người).
- Đào tạo nghiệp vụ, kỹ năng xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, tham gia xây dựng tiêu chuẩn quốc tế dành cho Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia (1 người).
- Đào tạo hướng dẫn, sử dụng hệ thống để thực hiện báo cáo và công bố thông tin.
- Đào tạo về hệ thống phòng thử nghiệm phiên bản mới (ISO/IEC 17025:2017) cho 2 người của phòng kỹ thuật thử nghiệm.
- Đào tạo kiến thức về chế thử sản phẩm, kiểm tra chất lượng nguyên liệu và sản phẩm sơn, nhựa Alkyd cho 2 nhân viên mới tuyển dụng.



BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Sơn Hải Phòng luôn ý thức rằng bất kỳ hoạt động sản xuất nào cũng có những tác động đến môi trường xung quanh. Vì thế tất cả giải pháp của chúng tôi đều hướng đến các mục đích chính: sử dụng hiệu quả các yếu tố đầu vào (vật liệu, năng lượng, nguồn nước) và kiểm soát yếu tố đầu ra để giảm thiểu các tác động đến môi trường.

Sử dụng hiệu quả nguồn năng lượng

Nhận biết rằng sử dụng năng lượng một cách hiệu quả là một trong những vấn đề được quan tâm nhiều nhất trong thời gian vừa qua cũng như trong tương lai, Sơn Hải Phòng cũng đang trên hành trình đạt đến mục tiêu sử dụng hiệu quả nguồn năng lượng bằng các biện pháp bao gồm:

- Nâng cao chất lượng quản lý
- Tăng cường sử dụng các nguồn năng lượng sạch, năng lượng có thể tái tạo
- Sử dụng thiết bị chiếu sáng tiết kiệm năng lượng thay cho các thiết bị cũ

Sử dụng nguồn nước hiệu quả và tiết kiệm

Nước là một tài nguyên quan trọng phục vụ cho quá trình sản xuất của Sơn Hải Phòng. Ý thức được sự quan trọng của tài nguyên này đối với cuộc sống con người trong bối cảnh nguồn nước ngầm đang cạn kiệt và ô nhiễm, Công ty cam kết sẽ sử dụng nước một cách tiết

kiệm và hiệu quả nhất bằng các biện pháp tiết kiệm và tái sử dụng.

Kiểm soát và xử lý tốt phát thải

Với mục tiêu là giảm thiểu tối đa các tác động đến môi trường, Sơn Hải Phòng đặt vấn đề về phát thải ngay từ những giai đoạn đầu tiên trong các quy trình quy hoạch xây dựng và cố gắng quản lý chặt chẽ nhất có thể về vấn đề này trong suốt quá trình hoạt động của mình. Công ty tự hào rằng đang vận hành cơ chế quản lý, kiểm soát và xử lý chất thải đảm bảo an toàn với môi trường tuân theo các tiêu chuẩn tiên tiến trong tất cả các hoạt động của Sơn Hải Phòng và sẽ tiếp tục cải tiến hơn nữa trong tương lai.

Nguồn nước sử dụng

Nguồn nước được Sơn Hải Phòng sử dụng là nguồn nước mặt sau đó tiến hành các công đoạn xử lý nghiêm ngặt, đảm bảo vệ sinh và đưa vào phục vụ cho hoạt động sản xuất cũng như sinh hoạt của Công ty.

Xử lý nước

Đối với lượng nước sử dụng không qua tái chế, Sơn Hải Phòng có hệ thống xử lý nước để đảm bảo các tiêu chuẩn cũng như các quy định của pháp luật. Nguồn nước sau khi đã xử lý được xả thải đúng chỗ và đảm bảo không gây các tác động xấu tới môi trường.





HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

Bên cạnh việc phát triển sản xuất kinh doanh bảo đảm lợi ích cho cổ đông Công ty và quyền lợi của người lao động, Công ty còn chú tâm đến hoạt động xã hội trên địa bàn nhằm góp một phần lợi ích của Công ty vào sự phát triển chung của xã hội như: duy trì phụng dưỡng Mẹ Việt Nam anh hùng, người cô đơn, Ủng hộ Quỹ vì người nghèo, quỹ đền ơn đáp nghĩa, tặng quà thương binh, thân nhân gia đình liệt sỹ hiện đang công tác tại Công ty, ủng hộ thành phố tổ chức các sự kiện... Trong năm 2019, HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc đã có chỉ đạo tiếp tục thực hiện nghĩa cử " ướng nước nhớ nguồn", "đền ơn đáp nghĩa" đối với những người có công với đất nước trong các cuộc chiến tranh, phụng dưỡng chu đáo Mẹ Việt Nam anh hùng trên địa bàn Thành phố Hải Phòng.





08 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. Bảng cân đối kế toán hợp nhất
2. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
4. Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Investment	Value at Year end
339 970	373 967
56 969	804 029
817	1 296 731
58	1 859 317
6	2 499 808
	3 227 076
	4 050 935
	R 28 331

Investment
Start at monthly
Can be do

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 3419/QĐ-UB ngày 26/12/2003 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng về chuyển đổi Công ty Sơn Hải Phòng thành Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000681 (Mã số mới 02000575580) ngày 02/01/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp; trong quá trình hoạt động kinh doanh Công ty có thay đổi đăng ký các lần; đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 26/04/2018 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Vốn điều lệ của Công ty là 80.071.770.000 đồng (Tám mươi tỷ không trăm bảy mươi một triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn đồng).

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG.**

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: HAIPHONG PAINT JOINT STOCK COMPANY.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 12 Lạch Tray, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Nhà máy sản xuất tại số 21 đường 208, phường An Đồng, quận An Dương, thành phố Hải Phòng.

Công ty con được hợp nhất gồm:

Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng số 2 hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0203003498 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 25 tháng 09 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 04 tháng 07 năm 2014. Trong đó, Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng góp 10.630.950.000 đồng (Mười tỷ, sáu trăm ba mươi triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng), chiếm 51% vốn điều lệ.

Công ty TNHH Nhựa Phoenix được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0201880643 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 01/6/2018. Vốn điều lệ : 6.000.000.000 đồng, Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng nắm giữ 100%.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Văn Viện	Chủ tịch
	Ông Vũ Trung Dũng	Ủy viên
	Ông Nguyễn Văn Dũng	Ủy viên
	Bà Bùi Kim Ngọc	Ủy viên
	Ông Nguyễn Mộng Lân	Ủy viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Văn Dũng	Tổng Giám đốc
	Ông Vũ Trung Dũng	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Dũng
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 28 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
của Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng, được lập ngày 28 tháng 03 năm 2020, từ trang 05 đến trang 36, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2019, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được điều chỉnh hồi tố do Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty Cổ phần Bất động sản Sơn và Hóa chất Á Châu là Công ty liên kết sở hữu là 41,52%. Kết quả kinh doanh năm 2018 của Công ty Cổ phần Bất động sản Sơn và Hóa chất Á Châu được điều chỉnh hồi tố theo Biên bản thanh tra thuế làm tăng lợi nhuận sau thuế tăng lên 9.964.504.370 đồng. Cụ thể như đã được trình bày tại Thuyết minh 6.1.



Vũ Ngọc án
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2018-137-1

Nguyễn Thị Mai Hoa
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2020/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2020 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		449.690.501.744	315.702.284.767
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	40.039.496.388	8.083.603.176
1. Tiền	111		40.039.496.388	8.083.603.176
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		76.350.000.000	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		76.350.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		181.028.762.258	166.497.953.834
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	164.095.470.967	111.369.578.139
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		10.592.150.293	4.776.064.086
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	50.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	8.853.866.644	52.307.358.864
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.4	(2.512.725.646)	(2.005.047.255)
IV. Hàng tồn kho	140		145.200.891.537	137.300.710.440
1. Hàng tồn kho	141	5.5	145.821.282.470	138.156.840.679
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(620.390.933)	(856.130.239)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.071.351.561	3.820.017.317
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	6.849.606.673	3.747.174.154
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.12	221.744.888	72.843.163
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		311.368.723.562	309.251.922.639
II. Tài sản cố định	220		126.480.000.722	118.570.471.304
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	124.953.370.937	116.230.571.447
- Nguyên giá	222		251.426.769.638	229.212.695.352
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(126.473.398.701)	(112.982.123.905)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	1.526.629.785	2.339.899.857
- Nguyên giá	228		4.735.668.619	4.735.668.619
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.209.038.834)	(2.395.768.762)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		256.000.000	2.544.334.976
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	256.000.000	2.544.334.976
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.10	183.878.470.410	187.029.124.940
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		164.417.586.823	172.253.001.164
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		22.660.883.587	18.176.123.776
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.400.000.000)	(3.400.000.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		200.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		754.252.430	1.107.991.419
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	754.252.430	1.107.991.419
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		761.059.225.306	624.954.207.406

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		398.029.583.706	317.627.539.511
I. Nợ ngắn hạn	310		386.622.813.954	295.236.866.787
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	77.211.131.442	81.771.085.737
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		682.610.890	687.926.906
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	2.319.826.261	1.455.290.108
4. Phải trả người lao động	314		4.826.762.389	3.188.799.201
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	3.294.603.266	4.344.008.247
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	15.130.630.490	15.078.470.242
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	293.097.458.736	196.837.527.523
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		(9.940.209.520)	(8.126.241.177)
II. Nợ dài hạn	330		11.406.769.752	22.390.672.724
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15	11.406.769.752	22.390.672.724
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		363.029.641.600	307.326.667.895
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.16	357.574.111.600	304.197.081.895
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		80.071.770.000	80.071.770.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80.071.770.000	80.071.770.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10.787.152.766	10.787.152.766
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		7.250.586.886	7.250.586.886
4. Cổ phiếu quỹ	415		(467.410.000)	(467.410.000)
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		148.023.554.694	135.932.229.694
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		95.128.492.944	57.666.956.244
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		12.903.133.192	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		82.225.359.752	57.666.956.244
13 Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		16.779.964.310	12.955.796.305
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		5.455.530.000	3.129.586.000
1. Nguồn kinh phí	432		5.455.530.000	3.129.586.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		761.059.225.306	624.954.207.406

Người lập

Đoàn Thị Dung

Kế toán trưởng

Bùi Kim Ngọc

Hải Phòng, ngày 28 tháng 03 năm 2020

Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Dũng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	796.054.469.880	576.109.922.030
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.18	210.053.006	297.106.877
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		795.844.416.874	575.812.815.153
4. Giá vốn hàng bán	11	5.19	604.804.092.463	445.012.018.238
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		191.040.324.411	130.800.796.915
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.20	5.902.670.977	1.537.131.116
7. Chi phí tài chính	22	5.21	21.101.500.645	15.131.034.550
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>19.783.483.029</i>	<i>15.118.969.550</i>
8. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	24		(2.944.515.944)	15.454.623.809
9. Chi phí bán hàng	25	5.22	57.576.972.328	46.830.887.737
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.22	28.411.813.192	24.698.251.388
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		86.908.193.279	61.132.378.165
12. Thu nhập khác	31	5.23	1.014.275.668	2.018.948.409
13. Chi phí khác	32	5.23	249.099.216	1.953.907.840
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	5.23	765.176.452	65.040.569
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40 + 45)	50		87.673.369.731	61.197.418.734
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.24	531.888.754	155.282.966
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		87.141.480.977	61.042.135.768
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		82.225.359.752	59.754.169.259
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		4.916.121.225	1.287.966.509
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.25	10.329	6.466

Người lập

Đoàn Thị Dung

Kế toán trưởng

Bùi Kim Ngọc

Hải Phòng, ngày 28 tháng 03 năm 2020

Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2019	Năm 2018
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	87.673.369.731	61.197.418.734
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	17.136.130.864	16.647.644.963
- Các khoản dự phòng	03	(271.939.085)	(1.309.742.625)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(149.125.870)	(120.622.605)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	983.173.034	(5.952.990.601)
- Chi phí lãi vay	06	19.783.483.029	15.118.969.550
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	125.155.091.703	85.580.677.416
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(15.092.384.192)	(81.996.757.921)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(8.135.920.403)	(8.001.607.039)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(3.708.152.757)	51.344.383.497
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(2.748.693.530)	1.966.176.760
- Tiền lãi vay đã trả	14	(20.118.483.029)	(14.657.269.550)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(519.953.699)	(96.035.121)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	2.325.944.000	469.586.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(10.128.979.680)	(2.438.431.329)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	67.028.468.413	32.170.722.713
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(23.052.799.885)	(9.928.332.348)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	66.681.885	1.213.818.630
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(87.550.000.000)	(300.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	11.050.000.000	250.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(19.305.272.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.060.488.038	16.149.070
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(96.425.629.962)	(28.053.636.648)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền thu từ đi vay	33	719.042.495.182	460.027.282.058
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(633.766.466.941)	(447.829.022.813)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(24.055.508.900)	(16.366.771.170)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	61.220.519.341	(4.168.511.925)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	31.823.357.792	(51.425.860)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	8.083.603.176	8.046.362.698
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61	<i>132.535.420</i>	<i>88.666.338</i>
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	40.039.496.388	8.083.603.176

Người lập

Đoàn Thị Dung

Kế toán trưởng

Bùi Kim Ngọc

Hải Phòng, ngày 28 tháng 03 năm 2020

Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Dũng

1. THÔNG TIN KHAI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 3419/QĐ-UB ngày 26/12/2003 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng về chuyển đổi Công ty Sơn Hải Phòng thành Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000681(Mã số mới 02000575580) ngày 02/01/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp; trong quá trình hoạt động kinh doanh Công ty có thay đổi đăng ký các lần; đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 26/04/2018 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: HAIPHONG PAINT JOINT STOCK COMPANY.

Vốn điều lệ của Công ty là 80.071.770.000 đồng (Bằng chữ: Tám mươi tỷ, không trăm bảy mươi một triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn đồng).

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với mã HPP.

Trụ sở chính của Công ty tại số: 12 Lạch Tray, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Nhà máy sản xuất tại số 21 đường 208, phường An Đồng, quận An Dương, thành phố Hải Phòng.

Số lao động bình quân trong năm 2019 là 187 người (Năm 2018 là 182 người).

Công ty con được hợp nhất

Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng Số 2 được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0203003498 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 25/9/2007, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 04 tháng 07 năm 2014. Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng sở hữu 51% vốn điều lệ.

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Haiphong Paint Joint Stock Company No.2

Vốn điều lệ : 20.850.950.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu Công nghệ Trảng Duệ, xã Hồng Phong, huyện An Dương, Hải Phòng.

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất sơn, véc ni và các hóa chất sơn, quét tương tự, ma tít; mực in...

Công ty TNHH Nhựa Phoenix được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0201880643 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 01/6/2018.

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Phoenix Resin Limited Company.

Vốn điều lệ : 6.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại số 12 Lạch Tray, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng.

Ngành nghề kinh doanh: Bán buôn các loại nhựa nguyên sinh, hạt nhựa màu, nhựa Alkyd, bán buôn hóa chất, bán buôn sơn công nghiệp.....

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng và Công ty con.

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2019, Công ty có các Công ty con và Công ty liên kết như sau:

	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty con			
Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng 2	Sản xuất và kinh doanh sơn các loại	51%	51%
Công ty TNHH Nhựa Phoenix	Bán buôn các loại nhựa nguyên sinh, hạt nhựa màu, nhựa Alkyd, bán buôn hóa chất, bán buôn sơn công nghiệp.....	100%	100%
Công ty liên doanh, liên kết			
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh sơn các loại	31,21%	31,21%
Công ty Cổ phần Tập đoàn VLC	Sản xuất và kinh doanh sơn các loại	56,28%	57,05%
Công ty CP Bất động sản Sơn và Hóa chất Á Châu	Sản xuất và kinh doanh sơn các loại	41,52%	42,83%
Công ty TNHH sơn Samhwa Hải Phòng	Sản xuất và kinh doanh sơn các loại	50%	50%

1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Công thương chi nhánh Ngô Quyền - Hải Phòng tại ngày 31/12/2019.
- (ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Công thương chi nhánh Ngô Quyền - Hải Phòng tại ngày 31/12/2019.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại các khoản mục có gốc tiền tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất

<u>Thời điểm</u>	<u>Ngân hàng</u>	<u>Tỷ giá mua vào</u>	<u>Tỷ giá bán ra</u>
31/12/2018	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Ngô Quyền	23.150 VND/USD	23.240 VND/USD
31/12/2019	Ngân hàng TMCP Công thương - CN Ngô Quyền	23.107 VND/USD	23.227 VND/USD

Tiền và các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư (liên doanh, liên kết) bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác: việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư.

Khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư làm căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính hợp nhất, nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là công ty Mẹ. Nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là doanh nghiệp độc lập không có công ty con, căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính của doanh nghiệp được đầu tư đó

Nguyên tắc kế toán Các khoản phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2019 (Số năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	10
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	06 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 08

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình bao gồm Chi phí cấp chứng nhận ISO, phần mềm quản trị, Hệ thống quản lý môi trường, tài sản vô hình khác.

Khấu hao tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính phù hợp của tài sản.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê (đối với chi phí thuê nhà, thuê đất, thuê hoạt động,...), theo thời gian sử dụng hữu ích nhưng không quá 3 năm

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay, chi phí bản quyền trả: trích trước theo thời gian thực hiện hợp đồng.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Chiết khấu thương mại: là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
 - Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
 - Lỗ đầu tư chứng khoán: Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.



4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty mẹ: Công ty được cấp Giấy chứng nhận là doanh nghiệp khoa học và công nghệ số 06/DNKHCN ngày 18/9/2015. Do vậy, Công ty hưởng chính sách ưu đãi thuế TNDN như sau: Hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời gian mười lăm năm (15) năm và được miễn thuế TNDN trong bốn (4) năm, giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong chín (9) năm tiếp theo với nguyên tắc quy định Luật thuế TNDN và Công văn số 2173/CT-TT&HT ngày 21/9/2017 của Cục thuế Hải Phòng về việc giải đáp chính sách thuế. Năm 2019 là năm thứ 4 (bốn) hưởng ưu đãi.

Thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty con - Công ty cổ phần Sơn Hải phòng 2: Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 02221000017 do Ban Quản lý Các Khu Chế xuất và Công nghiệp Hải Phòng cấp ngày 19/6/2008, Công ty được ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp cho dự án Nhà máy Sơn tinh điện và Sơn nước như sau: Miễn Thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 (ba) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 7 (bảy) năm tiếp theo. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trong vòng 12 năm kể từ khi có dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh. Năm 2020 là năm thứ 11 (mười một) Công ty được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các doanh nghiệp, cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh Sơn các loại và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam theo đó không lập Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tiền mặt	6.162.304.920	907.174.847
Tiền gửi ngân hàng	33.877.191.468	7.176.428.329
Tổng	40.039.496.388	8.083.603.176

5.2 Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	164.095.470.967	111.369.578.139
Công ty cổ phần Sơn Dầu Khí Việt Nam	979.086.169	4.085.637.154
Công ty cổ phần Tôn VIKOR	-	930.738.811
Công ty Cổ phần Sản xuất bảo hộ lao động và thương mại Sơn Linh	11.911.101.447	2.648.740.475
Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	2.896.587.883	2.603.509.162
Công ty cổ phần Sơn và hóa chất Hoa Phượng	13.483.448.982	11.293.948.746
Phải thu các đối tượng khác	134.825.246.486	89.807.003.791
Trong đó phải thu các bên liên quan (Chi tiết xem tại thuyết minh 6.2)		
Tổng	164.095.470.967	111.369.578.139

5.3 Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Phải thu ngắn hạn khác	8.853.866.644	-	52.307.358.864	-
Cho vay	-	-	45.100.000.000	-
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV quốc tế Chailease - Chi nhánh Hà Nội	2.688.146.778	-	2.247.601.198	-
Phải thu lãi vay	2.436.863.847	-	271.906.096	-
Tạm ứng	2.135.779.634	-	3.014.484.339	-
Ký cược, ký quỹ	239.110.488	-	148.415.164	-
Phải thu khác	1.353.965.897	-	1.524.952.067	-
Tổng	8.853.866.644	-	52.307.358.864	-

Trong đó phải thu các bên liên quan (Chi tiết xem tại Thuyết minh 6.2)

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

5.4 Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	2.512.725.646	-	2.005.047.255	-
<i>Trong đó:</i>				
	Quá hạn 6 tháng - 01	Quá hạn 01-02 năm	Quá hạn 02-03 năm	Quá hạn trên 3 năm
Công ty Cổ phần Minh Xuân	-	-	-	358.680.064
Công ty TNHH Nhà nước một thành viên công nghiệp tàu thủy Bến Kiên	-	-	-	263.882.194
Công ty Cổ phần công nghiệp tàu thủy Tam Bạc	-	-	-	265.352.027
Công ty Cổ phần Lilama 5	-	-	-	392.388.933
Các đối tượng khác	-	-	-	1.232.422.428
Tổng				2.512.725.646

5.5 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	93.816.769.652	(610.036.429)	86.219.079.379	(499.865.786)
Công cụ, dụng cụ	2.052.710.762	-	2.300.917.809	-
Chi phí Sản xuất kinh doanh dở dang	474.807.270	-	489.144.187	-
Thành phẩm	49.476.994.786	(10.354.504)	49.147.699.304	(356.264.453)
Hàng gửi bán	-	-	-	-
Tổng	145.821.282.470	(620.390.933)	138.156.840.679	(856.130.239)

5.6 Chi phí trả trước

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	6.849.606.673	3.747.174.154
Chi phí Bảo hiểm	32.798.788	35.335.941
Chi phí sửa chữa	131.113.295	744.569.771
Công cụ dụng cụ phân bổ	384.564.886	432.179.869
Đề tài 119	4.068.607.666	2.367.598.534
Đề tài sơn trên bề mặt thép mạ kẽm	820.972.065	-
Các khoản khác	1.411.549.973	167.490.039
Dài hạn	754.252.430	1.107.991.419
Công cụ dụng cụ phân bổ	14.011.000	150.444.839
CP trả trước mua công nghệ Alkyd	-	246.105.150
Chi phí đề tài SX thử nghiệm nhựa Alkyd	740.241.430	711.441.430
Tổng	7.603.859.103	4.855.165.573

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.7 Tài sản cố định hữu hình

MẪU B 09-DN/HN

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYỄN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2019	66.103.542.343	105.456.084.139	48.869.143.202	8.783.925.668	229.212.695.352
Tăng trong năm	2.172.795.293	8.359.847.137	14.528.832.431	279.660.000	25.341.134.861
Mua trong năm	-	8.359.847.137	14.528.832.431	279.660.000	23.168.339.568
Đầu tư XDCB hoàn thành	2.172.795.293	-	-	-	2.172.795.293
Giảm trong năm	83.719.807	1.955.721.496	932.426.272	155.193.000	3.127.060.575
Thanh lý, nhượng bán	83.719.807	1.955.721.496	932.426.272	155.193.000	3.127.060.575
Số dư tại 31/12/2019	68.192.617.829	111.860.209.780	62.465.549.361	8.908.392.668	251.426.769.638
GIÁ TRỊ HAO MÒN LÚY KẾ					
Số dư tại 01/01/2019	26.427.165.985	58.775.555.695	22.584.712.333	5.194.689.892	112.982.123.905
Tăng trong năm	3.160.288.742	6.846.791.976	5.369.515.176	946.264.898	16.322.860.792
Khấu hao trong năm	3.160.288.742	6.846.791.976	5.369.515.176	946.264.898	16.322.860.792
Giảm trong năm	83.719.807	1.674.371.913	932.426.272	141.068.004	2.831.585.996
Thanh lý, nhượng bán	83.719.807	1.674.371.913	932.426.272	141.068.004	2.831.585.996
Điều chuyển, phân loại lại	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2019	29.503.734.920	63.947.975.758	27.021.801.237	5.999.886.786	126.473.398.701
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2019	39.676.376.358	46.680.528.444	26.284.430.869	3.589.235.776	116.230.571.447
Tại 31/12/2019	38.688.882.909	47.912.234.022	35.443.748.124	2.908.505.882	124.953.370.937

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố các khoản vay:

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

68.239.786.819
50.230.890.741

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/IN

5.8 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	Hệ thống quản lý môi trường	TSCĐ vô hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2019	2.680.450.381	1.524.834.500	272.015.238	258.368.500	4.735.668.619
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2019	2.680.450.381	1.524.834.500	272.015.238	258.368.500	4.735.668.619
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2019	852.898.570	1.044.264.242	240.237.450	258.368.500	2.395.768.762
Tăng trong năm	609.183.936	174.752.808	29.333.328	-	813.270.072
Khấu hao trong năm	609.183.936	174.752.808	29.333.328	-	813.270.072
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2019	1.462.082.506	1.219.017.050	269.570.778	258.368.500	3.209.038.834
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2019	1.827.551.811	480.570.258	31.777.788	-	2.339.899.857
Tại 31/12/2019	1.218.367.875	305.817.450	2.444.460	-	1.526.629.785

5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị tính: VND

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang				
- Nhà nghỉ công nhân	100.000.000	100.000.000	-	-
- Phần mềm quản trị	156.000.000	156.000.000	-	-
- Hệ thống máy nghiền	-	-	576.074.300	576.074.300
- Dự án lắp téc dựng đầu	-	-	1.589.260.676	1.589.260.676
- Sửa chữa và lắp đặt nội thất văn phòng	-	-	379.000.000	379.000.000
Tổng	256.000.000	256.000.000	2.544.334.976	2.544.334.976

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.10 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

MẪU B 09-DN/HN

Đơn vị tính: VND

	31/12/2019		01/01/2019	
	Tỷ lệ	Số lượng cổ phiếu năm giữ	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết				
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam	31,21%	112.370	164.417.586.823	-
Công ty Cổ phần Giải pháp Sơn chuyên nghiệp PAINTPRO	18,34%	-	19.459.887.411	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn V.L.C	56,28%	2.840.800	27.830.904.686	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Sơn và Hóa chất Á Châu (*)	41,52%	11.020.298	109.557.582.655	-
Công ty TNHH Sơn Samhwa Hải Phòng	50%	-	7.569.212.071	-
Đầu tư vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Giải pháp Sơn chuyên nghiệp PAINTPRO	18,34%	441.146	22.660.883.587	(3.400.000.000)
Công ty TNHH VICO (**)	12%	-	4.484.759.811	-
Công ty Cổ phần SIVICO (***)	7%	202.500	12.132.544.000	-
Công ty Cổ phần Bao Bi VLC	5%	140.000	1.243.579.776	-
Công ty CP Tôn mạ màu Việt Pháp	5%	340.000	1.400.000.000	-
Tổng			187.078.470.410	(3.400.000.000)
				190.478.470.410 (3.400.000.000)

(*) Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng đầu tư vào Công ty cổ phần Bất động sản Sơn và Hóa chất Á Châu và được chia cổ tức bằng cổ phiếu với số lượng là 791.830 cổ phiếu. Do vậy, số cổ phiếu Công ty năm giữ là 10.657.530 cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng số 2 đầu tư vào Công ty cổ phần Bất động sản Sơn và Hóa chất Á Châu và được chia cổ tức bằng cổ phiếu với số lượng là 32.710 cổ phiếu. Do vậy, số cổ phiếu Công ty năm giữ là 711.310 cổ phiếu.

(**): Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Vico, trong năm 2018 Công ty chia lợi nhuận năm 2017 tăng vốn góp các thành viên là 6.066.272.000 đồng và Công ty Sơn Hải Phòng góp vốn bổ sung vốn là 6.066.272.000 đồng.

(***) Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần SIVICO và được chia cổ tức bằng cổ phiếu với số lượng là 78.142 cổ phiếu. Do vậy, số cổ phiếu Công ty năm giữ là 202.500 cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÀU B 09-DN/HN

5.11 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	77.211.131.442	77.211.131.442	81.771.085.737	81.771.085.737
Công ty TNHH FSI Việt Nam	3.256.121.951	3.256.121.951	5.022.843.762	5.022.843.762
Guangzhou Kinte Industrial KUKDO CHEMICAL CO. LTD	7.385.434.525	7.385.434.525	3.872.112.254	3.872.112.254
8.831.671.380	8.831.671.380	2.597.303.320	2.597.303.320	
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Hà Anh Phát	2.992.584.500	2.992.584.500	4.287.360.000	4.287.360.000
Chugoku Marine Paint Singapore	12.744.353.071	12.744.353.071	11.064.638.881	11.064.638.881
SAMHWA PAINTS IND CO., LTD	5.484.317.296	5.484.317.296	11.917.105.271	11.917.105.271
Phải trả người bán ngắn hạn khác	36.516.648.719	36.516.648.719	43.009.722.249	43.009.722.249
b. Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	77.211.131.442	77.211.131.442	81.771.085.737	81.771.085.737

Trong đó phải trả các bên liên quan (Chi tiết xem tại Thuyết minh 6.2)

5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2019
	Phải nộp	1.455.290.108	53.275.023.686	52.410.487.533
Thuế giá trị gia tăng	1.342.193.836	47.761.185.384	47.132.947.697	1.970.431.523
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
Thuế XNK	-	1.354.751.825	1.354.751.825	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	67.352.045	539.635.240	380.368.774	226.618.511
Phát sinh trong năm	67.352.045	534.897.861	380.368.774	221.881.132
Điều chỉnh hợp nhất	-	4.737.379	-	4.737.379
Thuế thu nhập cá nhân	45.744.227	3.420.332.332	3.349.465.461	116.611.098
Thuế tài nguyên	-	180.333.332	180.333.332	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	18.785.573	12.620.444	6.165.129
Phải thu	72.843.163	51.343.657	200.245.382	221.744.888
Thuế giá trị gia tăng	-	(46.412.313)	30.460.686	76.872.999
Thuế XNK	7.249.567	-	30.199.771	37.449.338
Thuế thu nhập doanh nghiệp	63.093.596	95.255.970	139.584.925	107.422.551
Phát sinh trong năm	63.093.596	-	44.328.955	107.422.551
Truy thu thuế TNDN	-	95.255.970	95.255.970	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.500.000	2.500.000	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÀU B 09-DN/HN

5.13 Chi phí phải trả

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Ngắn hạn	3.294.603.266	4.344.008.247
Chi phí sử dụng bản quyền phải trả CMP	1.266.543.129	1.736.124.765
Chi phí lãi vay	663.000.000	998.000.000
Trích chi phí vật tư, chi phí khác	1.099.600.000	1.339.000.000
Các khoản khác	-	180.560.000
Chi phí thuê kho, văn phòng	265.460.137	-
Quan trắc môi trường	-	30.579.998
Chi phí bảo hành sản phẩm	-	59.743.484
Dài hạn	-	-
Tổng	3.294.603.266	4.344.008.247

5.14 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Ngắn hạn	15.130.630.490	15.078.470.242
Kinh phí công đoàn	474.469.332	354.478.729
Bảo hiểm xã hội	201.267	50.051.036
Phải trả cổ phần hóa	105.050.000	105.050.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.296.900.255	-
Phải trả, phải nộp khác	13.254.009.636	14.568.890.477
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV quốc tế Chailease - Chi nhánh Hà Nội	2.489.795.378	2.043.273.816
Góp vốn mua du thuyền	7.434.500.000	7.434.500.000
Các khoản phải trả phải nộp khác	3.329.714.258	5.091.116.661
Tổng	15.130.630.490	15.078.470.242

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại 01/01/2018	80.071.770.000	10.787.152.766	7.250.586.886	(467.410.000)	105.858.383.236	53.375.548.881	12.942.229.796	269.818.261.565
Tăng vốn	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	61.042.135.768
Phân phối Quỹ đầu tư	-	-	-	-	30.073.846.458	(30.073.846.458)	-	-
Phát triển (Năm 2017)	-	-	-	-	-	(23.881.308.000)	(1.274.400.000)	(25.155.708.000)
Chia trả cổ tức	-	-	-	-	-	(1.507.607.438)	-	(1.507.607.438)
Phân phối Quỹ khen thưởng	-	-	-	-	-	-	-	-
phúc lợi (Năm 2017)	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2018	80.071.770.000	10.787.152.766	7.250.586.886	(467.410.000)	135.932.229.694	57.666.956.244	12.955.796.305	304.197.081.895
Số dư tại 01/01/2019	80.071.770.000	10.787.152.766	7.250.586.886	(467.410.000)	135.932.229.694	57.666.956.244	12.955.796.305	304.197.081.895
Lãi trong năm này	-	-	-	-	-	-	-	87.141.480.977
Phân phối Quỹ đầu tư Phát triển (Năm 2018)	-	-	-	-	12.091.325.000	(12.091.325.000)	-	-
Chia trả cổ tức	-	-	-	-	-	(23.881.308.000)	(1.062.000.000)	(24.943.308.000)
Phân phối Quỹ khen thưởng	-	-	-	-	-	(8.285.058.117)	(29.953.220)	(8.315.011.337)
phúc lợi (Năm 2018)	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	(4.737.379)	-	(4.737.379)
Tăng khác	-	-	-	-	-	(406.138.586)	-	(406.138.586)
Phạt thuế	-	-	-	-	-	(95.255.970)	-	(95.255.970)
Số dư tại 31/12/2019	80.071.770.000	10.787.152.766	7.250.586.886	(467.410.000)	148.023.554.694	95.128.492.944	16.779.964.310	357.574.111.600

Đơn vị tính: VND

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

MÀU B 09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Bảo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI PHÒNG

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG
Bảo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÀU B 09-DN/HN

trên cơ sở khách hàng thể chấp Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng (mã giao dịch là HPP đang giao dịch trên sàn Upcom) với giá trị tối thiểu là 20.000.000.000 VND (Bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng), giá trị tài sản ghi nhận theo mệnh giá; trường hợp dư nợ trên 20.000.000.000 VND (Bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng); 100% dư nợ tăng thêm được đảm bảo tài sản đảm bảo là tiền gửi, tiền ký quỹ tại MB, giấy tờ có giá do MB phát hành, trái phiếu chính phủ, tín phiếu kho bạc, bất động sản, phương tiện vận tải, máy móc thiết bị theo quy định của MB. Đối với LC: tại thời điểm mở LC: ký quỹ 10%, còn lại được đảm bảo bằng hàng hóa hình thành từ phương án MB cấp tín dụng; tại thời điểm chấp nhận thanh toán/ thanh toán LC: áp dụng như hạn mức cho vay.

<6> Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2019/1912666/HDTĐ ngày 06/05/2019 giữa ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng và Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng số 2 chuyển tiếp từ các Hợp đồng tín dụng ngân hàng cụ thể. Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 04/2018/1912666/HDTĐ ngày 06/11/2018 sang. Hạn mức tín dụng 40.000.000.000 VND (Bốn mươi tỷ đồng). Lãi suất: Theo từng giấy nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở L/C. Thời gian cấp hạn mức: kể từ ngày ký Hợp đồng đến hết ngày 30/04/2020. Tài sản đảm bảo theo hợp đồng thể chấp tài sản số 01/2017/1912666/HDBD ngày 08/06/20017, Hợp đồng thể chấp tài sản số 01/2018/1912666/HDBD ngày 22/05/2018, Hợp đồng thể chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 634/2017/HDTC ngày 22/11/2017, Hợp đồng thể chấp tài sản gắn liền với đất số 01/2014/1912666/HDTC ngày 23/12/2014.

<7> Hợp đồng cho thuê tài chính số C190623812 ngày 27/06/2019 giữa Công ty cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Charlease - Chi nhánh Hà Nội và Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng v/v thuê tài sản với thời hạn thuê 30 tháng kể từ ngày 28/06/2019, tổng giá trị tài sản thuê là 1.376.828.579 đồng, trả trước 385.512.002 đồng, giá trị thuê là 991.316.577 đồng, lãi suất thuê tạm thời là 8,62%/năm.

<8> Hợp đồng cho thuê tài chính số C190629012 ngày 28/08/2019 giữa Công ty cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Charlease - Chi nhánh Hà Nội và Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng v/v thuê tài sản với thời hạn thuê 30 tháng kể từ ngày 29/08/2019, tổng giá trị tài sản thuê là 784.890.480 đồng, trả trước 219.769.334 đồng, giá trị thuê là 565.121.146 đồng, lãi suất thuê tạm thời là 8,67%/năm.

<9> Hợp đồng tín dụng số 2100-LAV-201900865 ký ngày 30 tháng 12 năm 2019 giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh TP. Hải Phòng và Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng với số tiền cho vay là 3.694.947.378 VND (Bằng chữ: Ba tỷ sáu trăm chín mươi chín triệu bốn mươi bảy nghìn ba trăm bảy mươi tám đồng chẵn). Thời hạn cho vay là 12 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích sử dụng vốn vay là thanh toán khoản cấp tín dụng tại ngân hàng Hàng Hải chi nhánh Thanh Xuân theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 2709/2019/HDTĐ ngày 27/9/2019 đã ký giữa ngân hàng Hàng Hải Việt Nam - chi nhánh Thanh Xuân và công ty Sơn Hải Phòng (Khoản vay của ngân hàng Hàng Hải - chi nhánh Thanh Xuân tài trợ vốn để trả nợ trước hạn cho NHTMCP quốc tế CN Hải Phòng theo hợp đồng tín dụng số 351.HDTĐ.009.16 ngày 23/8/2016 thanh toán các chi phí phục vụ việc đầu tư mở rộng năng cao công suất của dây chuyền sản xuất sơn và dây chuyền Alkyd nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh). Lãi suất cho vay là 9,5%/năm và được duy trì cho đến kỳ điều chỉnh lãi suất định kỳ theo các quy định trong năm. Cho vay không có tài sản bảo đảm đến ngày 11/01/2020. Sau ngày 11/01/2020 cho vay có bảo đảm tài sản một phần, tiền độ bổ sung tài sản đảm bảo theo hợp đồng tín dụng số 2100-LAV-201900779 ngày 11/12/2019.

<10> Hợp đồng số 02/2018/1912666/HDTĐ ngày 19/10/2018 giữa NH TMCP Đầu tư và Phát triển VN-CN Hải Phòng và Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng số 2. Số tiền vay: 650.000.000 đồng. Lãi suất thả nổi theo quy định của Ngân hàng, điều chỉnh 6 tháng/lần. Mục đích vay: Đầu tư 1 ô tô con 7 chỗ nhãn hiệu Suzuki Mu-X.

Thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Thời hạn rút vốn: tối đa không được quá 1 tháng kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực. Tài sản đảm bảo: Thẻ chấp toàn bộ tài sản hình thành từ phương án vay vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	80.071.770.000	80.071.770.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	80.071.770.000	80.071.770.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	23.881.308.000	23.881.308.000
Phân phối các quỹ	20.376.383.117	30.073.846.458

c. Cổ tức

Cổ tức công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:

Năm 2019

Chưa công bố, mới
thông báo tạm ứng cổ
tức năm 2019 là 15%

d. Cổ phiếu

	Năm 2019 Cổ phiếu	Năm 2018 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đầu năm	8.007.177	8.007.177
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	46.741	46.741
Cổ phiếu phổ thông	46.741	46.741
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.960.436	7.960.436
Cổ phiếu phổ thông	7.960.436	7.960.436
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

5.17 Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	796.054.469.880	576.109.922.030
Tổng	796.054.469.880	576.109.922.030

5.18 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Hàng bán bị trả lại	210.053.006	297.106.877
Tổng	210.053.006	297.106.877

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

5.19 Giá vốn về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm	604.804.092.463	445.012.018.238
Tổng	604.804.092.463	445.012.018.238

5.20 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.840.039.257	16.551.401
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.206.000.000	1.327.500.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	160.651.605	72.457.110
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	149.125.870	120.622.605
Doanh thu hợp tác kinh doanh	443.903.653	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	102.950.592	-
Tổng	5.902.670.977	1.537.131.116

5.21 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền vay	19.783.483.029	15.118.969.550
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.318.017.616	-
Chi phí hoạt động tài chính khác	-	12.065.000
Tổng	21.101.500.645	15.131.034.550

5.22 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí bán hàng	57.576.972.328	46.830.887.737
Chi phí nhân viên	13.251.368.567	10.717.452.868
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	93.027.267	20.287.991
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	464.717.001	407.589.122
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.197.891.108	372.577.433
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	-
- Chi phí bốc xếp, vận chuyển	12.859.844.086	19.850.539.673
- Chi phí quảng cáo tiếp thị	12.074.500.936	2.013.125.459
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.359.782.337	4.608.885.896
Chi phí bằng tiền khác	11.275.841.026	8.840.429.295
Chi phí quản lý	28.411.813.192	24.698.251.388
Chi phí nhân viên quản lý	12.710.674.717	11.136.173.995
Chi phí vật liệu quản lý	28.422.727	718.887.217
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.296.569.196	1.191.299.470
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.569.937.205	1.334.957.539
Thuế phí và lệ phí	837.576.887	635.966.267
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.558.194.058	2.533.169.503
Chi phí bằng tiền khác	7.410.438.402	7.147.797.397
Tổng	85.988.785.520	71.529.139.125

5.23 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu nhập khác		
Thu thanh lý, bán phế liệu, vật tư, công cụ	6.681.885	1.213.818.630
Thu chênh lệch kiểm kê	21.731.961	313.604.728
Thu cho thuê nhà văn phòng	517.181.822	483.500.640
Các khoản khác	468.680.000	8.024.411
Tổng	1.014.275.668	2.018.948.409
Chi phí khác		
Giá trị còn lại tài sản, công cụ, vật tư thanh lý	195.774.579	1.643.681.726
Chi phí phạt chậm nộp thuế	53.324.637	-
Nộp bổ sung tiền thuế	-	310.226.114
Tổng	249.099.216	1.953.907.840
Lợi nhuận khác	765.176.452	65.040.569

5.24 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	531.888.754	155.282.966
Tổng	531.888.754	155.282.966

5.25 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	87.141.480.977	61.042.135.768
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	4.916.121.225	1.287.966.509
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm (*)	-	8.285.058.117
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông công ty Mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	82.225.359.752	51.469.111.142
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	7.960.436	7.960.436
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.329	6.466

(*) Các khoản điều chỉnh giảm năm 2018 là khoản phân phối Quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 của Công ty mẹ số 16/NQ-ĐHCD ngày 24/4/2019 của Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng và nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng Số 2 về việc phân phối lợi nhuận.

5.26 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	563.252.778.115	341.443.416.569
Chi phí nhân công	71.513.164.305	42.933.556.720
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.039.312.524	16.647.644.963
Chi phí dự phòng	-	445.083.878
Chi phí dịch vụ mua ngoài	79.719.961.155	45.514.814.217
Chi phí khác bằng tiền	36.124.106.140	19.875.831.340
Tổng	764.649.322.239	466.860.347.687

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Global Network với ý kiến chấp nhận toàn phần và được điều chỉnh hồi tố.

Căn cứ vào Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty Cổ phần Bất động sản Sơn và Hóa chất Á Châu là Công ty liên kết sở hữu là 41,52%. Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2018 của Công ty Cổ phần Bất động sản Sơn và Hóa chất Á Châu được điều chỉnh hồi tố theo biên bản thanh tra thuế làm tăng lợi nhuận sau thuế tăng lên 9.964.504.370 đồng. Do đó, Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 do ảnh hưởng của vấn đề trên. Cụ thể số liệu được điều chỉnh như sau:

Bảng cân đối kế toán

Chỉ tiêu	Số dư tại 01/01/2019 VND	Số dư tại 31/12/2018 VND	Chênh lệch VND
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	172.253.001.164	168.115.716.537	4.137.284.627
Công thay đổi Tài sản			4.137.284.627
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	57.666.956.244	53.529.671.617	4.137.284.627
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	57.666.956.244	53.529.671.617	4.137.284.627
Cộng thay đổi Nguồn vốn			4.137.284.627

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu	Năm 2018 (sau điều chỉnh)	Năm 2018 (trước điều chỉnh)	Chênh lệch
Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	15.454.623.809	11.317.339.182	4.137.284.627
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	6.466	6987	(521)

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

6.1 Thông tin so sánh (Tiếp theo)

Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ

Chỉ tiêu	Năm 2018 (sau điều chỉnh)	Năm 2018 (trước điều chỉnh)	Chênh lệch
Lợi nhuận trước thuế	61.197.418.734	57.060.134.107	4.137.284.627
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(5.952.990.601)	(1.815.705.974)	(4.137.284.627)

6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các giao dịch với nhân sự chủ chốt và cổ đông

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát	Lương và thù lao	4.364.921.037	5.540.053.979
Tổng		4.364.921.037	5.540.053.979

Số dư với các bên liên quan

Các khoản phải trả	Tính chất giao dịch	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty Cổ phần SIVICO	Mua hàng	31.844.175	8.440.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn VLC	Mua hàng	100.000.000	-
Công ty Cổ phần SIVICO	Giao dịch khác	-	74.826.667
Công ty TNHH VICO	Vay	-	4.800.000.000

Các khoản phải thu	Tính chất giao dịch	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty Cổ phần Sơn	Bán hàng	1.789.298.263	4.085.637.154
Dầu khí Việt Nam	Tiền cổ tức	1.123.700.000	-
Công ty Cổ phần SIVICO	Bán hàng	33.495.000	-
Công ty CP Bất động sản Sơn và Hóa chất Á Châu	Bán hàng	10.618.941	10.618.941
	Tiền đầu tư tài chính	72.450.000.000	41.200.000.000
	Lãi đầu tư	2.436.863.847	271.906.096
	Tiền thuế	1.330.166.592	-
Công ty Cổ phần SIVICO	Tiền cổ tức	486.000.000	607.500.000
Công ty Cổ phần Bao Bi VLC	Tiền cổ tức	640.000.000	640.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn VLC	Tiền đầu tư tài chính	3.900.000.000	3.900.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Bán hàng hóa và dịch vụ			
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam	Bán hàng hóa	12.673.728.030	21.686.543.220
Công ty Cổ phần SIVICO	Bán hàng hóa	90.375.000	1.168.353.500
Công ty TNHH VICO	Bán hàng hóa	-	17.841.910
Công ty TNHH Phoenix	Bán hàng hóa	-	29.004.642.279
Mua hàng hóa và dịch vụ			
Công ty CP Bất động sản Sơn và Hóa chất Á Châu	Mua hàng	5.818.182	-
Công ty TNHH VICO	Mua hàng	3.084.545	-
Giao dịch khác			
Công ty Cổ phần SIVICO	Cổ tức	486.000.000	607.500.000
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam	Cổ tức	1.123.700.000	(123.280.000)
Công ty Cổ phần Bao Bi VLC	Cổ tức	640.000.000	640.000.000
Công ty CP Bất động sản Sơn và Hóa chất Á Châu	Lãi đầu tư	846.082.192	-
Công ty CP Bất động sản Sơn và Hóa chất Á Châu	Lãi đầu tư	2.930.597.259	-

Người lập



Đoàn Thị Dung

Kế toán trưởng



Bùi Kim Ngọc

Hải Phòng, ngày 28 tháng 03 năm 2020

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Dũng